

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG
TRƯỜNG PTDTBT THCS PHÌ NHÙ

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

PHÌ NHÙ, THÁNG 5 NĂM 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG
TRƯỜNG PTDTBT THCS PHÌ NHỦ

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÍ **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ kí
1	Quàng Thị Niên	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Nguyễn Thị Thanh Nga	P. Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
3	Kiều Việt Hưng	P. Hiệu trưởng	Phó chủ tịch Hội đồng	
4	Trần Thị Thơm	Tổ phó KHTN	Thư ký Hội đồng	
5	Trần Thọ	CT công đoàn	Ủy viên Hội đồng	
6	Trần Thị Thu Hối	Tổ trưởng KHXH	Ủy viên Hội đồng	
7	Lường Văn Hà	Tổ trưởng KHTN	Ủy viên Hội đồng	
8	Lò Văn Xiển	Tổ trưởng QLHSBT	Ủy viên Hội đồng	
9	Nguyễn Trọng Minh	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
10	Lò Văn Thiện	Bí thư Chi Đoàn TN	Ủy viên Hội đồng	
11	Hà Trung Tính	Kế toán	Ủy viên Hội đồng	
12	Nguyễn Thành Luân	GV – TPT Đội	Ủy viên Hội đồng	
13	Quàng Thị Phương	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
14	Nguyễn Thị Thủy	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
15	Nguyễn Thị Hà Xuyên	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
Mục lục	3
Danh mục các chữ viết tắt	5
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	6-7
Phần I: CƠ SỞ DỮ LIỆU	8-13
Phần II: TỰ ĐÁNH GIÁ	14-97
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	14-20
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	20-97
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	20-90
Tiêu chuẩn 1	20-42
Mở đầu	21
Tiêu chí 1.1	21-23
Tiêu chí 1.2	23-25
Tiêu chí 1.3	25-27
Tiêu chí 1.4	27-29
Tiêu chí 1.5	29-31
Tiêu chí 1.6	31-34
Tiêu chí 1.7	34-36
Tiêu chí 1.8	36-38
Tiêu chí 1.9	38-40
Tiêu chí 1.10	40-42
Kết luận về tiêu chuẩn 1	42-43
Tiêu chuẩn 2	43-53
Mở đầu	43
Tiêu chí 2.1	43-45
Tiêu chí 2.2	45-47
Tiêu chí 2.3	47-49
Tiêu chí 2.4	49-51
Kết luận về tiêu chuẩn 2	51-53
Tiêu chuẩn 3	53-66
Mở đầu	53
Tiêu chí 3.1	53-55
Tiêu chí 3.2	55-57
Tiêu chí 3.3	57-59
Tiêu chí 3.4	59-60
Tiêu chí 3.5	61-62
Tiêu chí 3.6	62-64
Kết luận về tiêu chuẩn 3	64-66
Tiêu chuẩn 4	66-74
Mở đầu	66
Tiêu chí 4.1	67-70
Tiêu chí 4.2	70-73

Kết luận về tiêu chuẩn 4	73-74
Tiêu chuẩn 5	74-90
Mở đầu	74
Tiêu chí 5.1	75-77
Tiêu chí 5.2	77-79
Tiêu chí 5.3	80-82
Tiêu chí 5.4	82-83
Tiêu chí 5.5	83-85
Tiêu chí 5.6	85-89
Kết luận về tiêu chuẩn 5	89-90
II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4	90-96
Tiêu chí 1	90-91
Tiêu chí 2	91-92
Tiêu chí 3	92
Tiêu chí 4	93
Tiêu chí 5	93-94
Tiêu chí 6	94-95
Kết luận	95-96
Phần III: KẾT LUẬN CHUNG	96-97
Phần IV: PHỤ LỤC	98-111

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Nội dung	Kí hiệu
Minh chứng	MC
Trung học cơ sở	THCS
Trung học phổ thông	THPT
Giáo dục và Đào tạo	GD-ĐT
Cha mẹ học sinh	CMHS
Học sinh giỏi	HSG
Học sinh tiên tiến	HSTT
Khoa học kĩ thuật	KHKT

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả tự đánh giá:

1.1. Đánh giá tiêu chí mức 1, 2 và 3:

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1			X	
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	-
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	
Tiêu chí 1.6		X	X	X
Tiêu chí 1.7		X	X	-
Tiêu chí 1.8		X	X	-
Tiêu chí 1.9		X	X	-
Tiêu chí 1.10		X	X	-
Tiêu chuẩn 2			X	
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	
Tiêu chí 2.3		X	X	
Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3			X	
Tiêu chí 3.1		X	X	X
Tiêu chí 3.2		X	X	
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	-
Tiêu chí 3.5		X	X	-
Tiêu chí 3.6		X	X	
Tiêu chuẩn 4				X

Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X
Tiêu chuẩn 5				X
Tiêu chí 5.1		X	X	X
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	-
Tiêu chí 5.4		X	X	-
Tiêu chí 5.5		X	X	X
Tiêu chí 5.6		X	X	X

Kết quả: Đạt mức 2.

1.2. Đánh giá tiêu chí mức 4:

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1		X	
Tiêu chí 2	X		
Tiêu chí 3	X		
Tiêu chí 4		X	
Tiêu chí 5		X	
Tiêu chí 6		X	

Kết quả: Không đạt mức 4.

2. Kết luận: Trường PTDTBT THCS Phì Nhừ đạt mức 2 về kiểm định chất lượng giáo dục và đạt mức 1 về việc công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (Căn cứ theo Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Phần I CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: Phổ thông Dân tộc Bán trú Trung học cơ sở Phì Nhừ.

Cơ quan chủ quản: Phòng Giáo dục và Đào tạo Điện Biên Đông.

Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương	Điện Biên	Họ và tên hiệu trưởng	Quảng Thị Niên
Huyện/quận/thị xã/thành phố	Điện Biên Đông	Điện thoại	0382.287.024
Xã/phường/thị trấn/	Phì Nhừ	Fax	
Đạt chuẩn quốc gia		Số điểm trường	0
Năm thành lập trường (theo quyết định Đổi tên, thành lập trường PTDTBT)	2012	Loại hình khác	
Công lập	x	Thuộc vùng khó khăn	
Chuẩn quốc gia	Chưa	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	x
Trường chuyên biệt	x	Website	http://ptdtbtthcsphinhhu.pgddienbiendong.edu.vn/
Trường liên kết với nước ngoài	Không		

1. Số lớp học:

Số lớp học	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
Khối lớp 6	3	3	3	3	4
Khối lớp 7	3	3	3	3	3
Khối lớp 8	3	3	3	3	3
Khối lớp 9	3	2	2	3	2
Cộng	12	11	11	12	12

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường:

TT	Số liệu	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
----	---------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------	-------------------

I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	15	15	16	16	16
1	Phòng học	12	11	11	12	12
A	Phòng kiên cố	08	06	04	08	08
B	Phòng bán kiên cố	04	05	07	07	04
C	Phòng tạm	0	0	0	0	0
2	Phòng học bộ môn	03	04	04	04	04
A	Phòng kiên cố	0	04	04	04	04
B	Phòng bán kiên cố	03	0	0	0	0
C	Phòng tạm	0	0	0	0	0
3	Khối phục vụ học tập	0	0	0	0	0
A	Phòng kiên cố	0	0	0	0	0
B	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0
C	Phòng tạm	0	0	0	0	0
II	Khối phòng hành chính - quản trị	03	09	09	09	09
1	Phòng kiên cố	02	02	02	02	02
2	Phòng bán kiên cố	01	07	07	07	07
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0
III	Thư viện	01	01	01	01	01
IV	Các công trình, khối phòng	0	0	0	0	0

	chức năng khác					
	Cộng	19	25	26	26	26

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên:

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá (Tháng 5/2025):

Chức danh, chức vụ	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	01	01	0	01	0	
Phó hiệu trưởng	02	01	0	0	01	01	
Giáo viên	23	09	09	0	23	0	
Nhân viên	0	0	0	0	0	0	
Cộng	26	11	10	0	25	01	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

Stt	Số liệu	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
1	Tổng số giáo viên	26	22	22	24	23
2	Tỉ lệ giáo viên/lớp	2,2	2,0	2,0	2,0	1,9
3	Tỉ lệ giáo viên/học sinh	$26/349 = 0,07$	$22/347 = 0,06$	$22/394 = 0,06$	$24/417 = 0,06$	$23/440 = 0,05$
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện	01	01	05	03	04
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh	0	0	02	01	01

4. Học sinh:

a) Số liệu chung:

Stt	Số liệu	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
1	Tổng số học sinh	349	347	394	417	440 (03 HS KT)
	- Nữ	153	153	191	192	190
	- Dân tộc thiểu số	348	346	393	416	439
	- Khối lớp 6	112	93	126	125	127
	- Khối lớp 7	83	112	94	116	122
	- Khối lớp 8	76	80	101	87	111
	- Khối lớp 9	78	62	73	89	80
2	Tổng số HS tuyển mới	112	93	126	125	127
3	Học 2 buổi/ngày	349	347	394	417	440
4	Bán trú	305	314	360	380	364
5	Nội trú	0	0	0	0	0
6	Bình quân số học sinh/lớp học	29,1	31,5	35,8	34,8	36,7
7	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện	03	01	03	08	11
	Tổng số học sinh giỏi cấp tỉnh	01	0	0	0	01
8	Kết quả cuộc thi KHKT cấp huyện	0	0	0	01	01
	Kết quả cuộc thi KHKT cấp tỉnh	0	0	0	0	0

9	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	255	255	393	417	440
	Nữ	123	128	190	192	190
	Dân tộc thiểu số	254	254	392	416	439
10	Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt	15	13	17	8	13
11	Tỷ lệ học sinh hoàn thành cấp học (tốt nghiệp THCS 2 hệ)	$97/112 = 86,6\%$	$82/94 = 87,2\%$	$71/71 = 100\%$	$116/116 = 100\%$	$80/80 = 100\%$
12	Tỷ lệ học sinh bỏ học	8 - 2,2%	5 - 1,4%	4 - 1,0%	5 - 1,2%	3 - 0,7%
13	Tỷ lệ học sinh lưu ban	0	0	0	0	0

b) Kết quả giáo dục:

Số liệu	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
Tỉ lệ học sinh xếp loại học lực tốt	24/349 = 6,8%	29/347 = 8,4%	25/383 = 6,5%	32/415 = 7,7%	28/437 = 6,4%
Tỉ lệ học sinh xếp loại học lực khá	175/349 = 50,1%	139/347 = 40,1%	147/383 = 38,4%	175/415 = 42,2%	191/437 = 43,7%
Tỉ lệ học sinh xếp loại học lực chưa đạt	0 = 0%	0 = 0%	0 = 0%	0 = 0%	0 = 0%
Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt	239/349 = 68,4%	246/347 = 70,9%	268/383% = 70,0%	307/415 = 74,0 %	326/437 = 74,5%
Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá	82/349 = 23,5%	70/347 = 20,2%	95/383 = 24,8%	87/415 = 21,0 %	95/437 = 21,7%
Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm đạt	28/349 = 8,1%	31/347 = 8,9%	20/383 = 5,25%	21/415 = 5,0 %	16/437 = 3,7%

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ.

1. Tình hình chung của nhà trường.

Trường Phổ thông dân tộc bán trú Trung học cơ sở Phì Nhừ nằm trên địa bàn xã Phì Nhừ - một trong những xã khó khăn của huyện Điện Biên Đông. Trường cách xa trung tâm huyện Điện Biên Đông khoảng 22 km về phía Đông, nằm dọc theo tuyến đường Na Son đi Chiềng Sơ. Phía đông giáp xã Mường Luân; phía tây giáp xã Keo Lôm; phía nam giáp xã Phình Giàng; phía bắc giáp xã Sa Dung. Trong đó, phần lớn là đồi núi cao địa hình hiểm trở, giao thông đi lại khó khăn. Đại bộ phận dân cư sinh sống rải rác, đời sống kinh tế của người dân trên địa bàn xã còn khó khăn, trình độ dân trí thấp, tình hình chính trị phức tạp.

Năm 1978, trường được thành lập chung cho cả 3 cấp học Mầm non, Tiểu học và Trung học cơ sở. Từ tháng 9 năm 2007 theo quyết định của Ủy ban Nhân dân huyện Điện Biên Đông, trường được tách ra hoạt động độc lập. Tháng 11 năm 2012, sau những nỗ lực cố gắng về mọi mặt của thầy và trò nhà trường trong công tác chuyên môn và tu sửa cơ sở vật chất trường lớp học, xây dựng và củng cố nề nếp học sinh, trường được đổi tên từ trường Trung học cơ sở Phì Nhừ thành trường Phổ thông dân tộc bán trú Trung học cơ sở Phì Nhừ theo quyết định số 2073/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban Nhân dân huyện Điện Biên Đông.

Trường PTDTBT THCS Phì Nhừ có diện tích 9360,05 m²; Có 01 phòng Ban giám hiệu là phòng kiên cố và 02 phòng là bán kiên cố; Có khu phòng lớp học gồm 12 phòng (Trong đó, có 08 phòng kiên cố, 04 phòng bán kiên cố); Có 01 phòng Thư viện bán kiên cố, 01 phòng Thiết bị bán kiên cố; Có 12 phòng ở nội trú (Trong đó, có 08 phòng kiên cố và 04 phòng bán kiên cố); Có 01 khu bếp nấu ăn, 01 nhà ăn, 02 nhà kho; Có 01 khu nhà vệ sinh giáo viên gồm 06 phòng; 01 khu nhà tắm học sinh gồm 06 phòng và 01 khu nhà vệ sinh học sinh gồm 14 phòng; Sân trường và sân nội trú đã được đổ bê tông; Có biển trường, cổng trường và tên trường, chưa có đủ hệ thống tường xây bao quanh trường.

2. Mục đích tự đánh giá.

Căn cứ vào thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Nhà trường xác định được tự đánh giá là khâu đầu tiên trong quy trình kiểm định chất lượng giáo dục. Đó là quá trình nhà trường tự xem xét, nghiên cứu trên cơ sở các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng do Bộ GD&ĐT ban hành. Báo cáo về tình trạng chất lượng, hiệu quả hoạt động giáo dục, nghiên cứu khoa học, nhân lực, cơ sở vật chất cũng như các vấn đề liên quan khác. Từ đó tiến hành điều chỉnh các nguồn nhân lực và quá trình thực hiện nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng.

Để thực hiện tốt công tác tự đánh giá, trường PTDTBT THCS Phì Nhừ đã tổ chức xây dựng kế hoạch, nội dung, tài liệu, tổ chức tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và tiến hành đánh giá chất lượng giáo dục trong nhà trường.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá.

3.1. Quá trình đánh giá gồm các bước sau:

3.1.1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá.

Hiệu trưởng nhà trường ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá căn cứ theo hướng dẫn tại Điều 24 Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT và Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT.

3.1.2. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.

Kế hoạch tự đánh giá của nhà trường do Hội đồng tự đánh giá xây dựng và có các nội dung theo Phụ lục 1. Chủ tịch Hội đồng phê duyệt kế hoạch tự đánh giá.

Kế hoạch tự đánh giá đã được xây dựng phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, xác định rõ nhiệm vụ cụ thể của các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá, nhóm thư ký, các nhóm công tác và từng cá nhân. Kế hoạch tự đánh giá đã nêu rõ nội dung từng hoạt động, thời gian thực hiện, thời gian hoàn thành.

Trong quá trình thực hiện Kế hoạch tự đánh giá, nếu phát sinh những vấn đề chưa phù hợp thì có thể điều chỉnh và bổ sung.

3.1.3. Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng.

Minh chứng được thu thập từ hồ sơ lưu trữ của nhà trường, các cơ quan có liên quan; kết quả khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát các hoạt động của nhà trường.

Để xác định đúng, đủ nội hàm (yêu cầu) của từng chỉ báo, tiêu chí, các nhóm công tác đã lưu ý và phân tích tiêu chí để tìm những minh chứng cần thu thập, nơi thu thập và ghi vào Phiếu xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng tiêu chí (căn cứ theo Phụ lục 2 và 3).

Đồng thời, các nhóm công tác đã phân tích được tiêu chí, định hướng được việc thu thập minh chứng và chuẩn bị cho các bước tiếp theo của quy trình tự đánh giá.

Căn cứ vào các Phiếu xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng tiêu chí, nhóm công tác hoặc cá nhân được phân công tiến hành thu thập minh chứng, sắp xếp minh chứng theo thứ tự nội hàm chỉ báo, tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá cơ sở giáo dục phổ thông.

Hội đồng tự đánh giá thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được của nhóm công tác hoặc cá nhân. Khi các minh chứng được sử dụng, Hội đồng tự đánh giá lập Bảng danh mục mã minh chứng (theo Phụ lục 4).

Minh chứng được lưu trữ, bảo quản theo quy định của Luật lưu trữ và các quy định hiện hành.

3.1.4. Đánh giá mức độ đạt được theo từng chỉ báo.

Việc đánh giá các mức đạt được theo từng tiêu chí được các nhóm công tác thực hiện thông qua Phiếu đánh giá tiêu chí. Đối với tiêu chí thuộc Mức 1, 2 và 3 trong tiêu chuẩn đánh giá, tùy theo nội hàm của chỉ báo, tiêu chí việc “Mô tả hiện trạng” trong Phiếu đánh giá tiêu chí được thực hiện theo Phụ lục 5a. Các tiêu chí thuộc Mức 4 trong tiêu chuẩn đánh giá, thì viết Phiếu đánh giá tiêu chí theo Phụ lục 5b.

Quy trình viết, hoàn thiện Phiếu đánh giá tiêu chí được thực hiện như sau:

Bước 1: Nhóm công tác hoặc cá nhân nghiên cứu, phân tích nội hàm của tiêu chí, chỉ báo và các minh chứng được sử dụng để viết các nội dung theo quy định trong Phiếu đánh giá tiêu chí;

Bước 2: Nhóm công tác thảo luận các nội dung của Phiếu đánh giá tiêu chí để chỉnh sửa, bổ sung;

Bước 3: Hội đồng tự đánh giá thảo luận các nội dung của từng Phiếu đánh giá tiêu chí. Trong đó, đặc biệt chú ý đến kế hoạch cải tiến chất lượng từng tiêu chí để xác định rõ các biện pháp, giải pháp, điều kiện (nhân lực, tài chính), thời gian thực hiện, thời gian hoàn thành và phải có tính khả thi;

Bước 4: Trên cơ sở ý kiến của Hội đồng tự đánh giá, nhóm công tác hoặc cá nhân hoàn thiện Phiếu đánh giá tiêu chí và gửi thư ký Hội đồng tự đánh giá.

Kết quả đánh giá từng tiêu chí được tổng hợp vào Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá (căn cứ theo Phụ lục 6).

3.1.5. Viết báo cáo tự đánh giá.

Báo cáo tự đánh giá phản ánh thực trạng chất lượng của nhà trường, sự cam kết thực hiện các hoạt động cải tiến chất lượng của nhà trường. Kết quả tự đánh giá được trình bày dưới dạng một bản báo cáo có cấu trúc và hình thức theo quy định tại Phụ lục 6.

Dự thảo báo cáo tự đánh giá được chuyển cho các nhóm công tác, cá nhân cung cấp minh chứng để xác minh lại các minh chứng đã được sử dụng và tính chính xác của các nhận định, kết luận rút ra từ đó. Các nhóm công tác, cá nhân chịu trách nhiệm rà soát lại nội dung báo cáo có liên quan đến các tiêu chí được giao.

Dự thảo cuối cùng của báo cáo tự đánh giá được công bố lấy ý kiến góp ý của cán bộ, giáo viên và nhân viên trong nhà trường. Hội đồng tự đánh giá nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến góp ý để hoàn thiện báo cáo, ký xác nhận vào bản báo cáo tự đánh giá sau khi đã đọc và nhất trí với nội dung báo cáo tự đánh giá.

Sau khi bản báo cáo tự đánh giá được Hội đồng tự đánh giá nhất trí thông qua, Hiệu trưởng xem xét, ký tên, đóng dấu. Bản chính báo cáo tự đánh giá được lưu trữ tại nhà trường, gửi đến cấp có thẩm quyền để báo cáo, xem xét và thẩm định.

3.1.6. Công bố báo cáo tự đánh giá.

Báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện sẽ được nhà trường công bố trong phạm vi nhà trường.

3.1.7. Gửi hồ sơ đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục.

Thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng được đề ra trong báo cáo tự đánh giá để cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường. Gửi báo cáo tự đánh giá cho cơ quan quản lý trực tiếp kèm theo công văn đề nghị được quan tâm, hỗ trợ trong quá trình thực hiện cải tiến, nâng cao chất lượng theo kế hoạch cải tiến chất lượng đã nêu trong báo cáo tự đánh giá.

3.2. Những vấn đề nổi bật trong hoạt động đánh giá:

3.2.1. Phương pháp tự đánh giá.

- Phổ biến kế hoạch tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, đến chính quyền địa phương, các đoàn thể xã hội.

- Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện kế hoạch tự đánh giá, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên:

- Đối với Hiệu trưởng: Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đến từng CBGV-NV trong nhà trường, thông báo đến chính quyền địa phương, các đoàn thể xã hội. Báo cáo với lãnh đạo ngành để có sự chỉ đạo, hỗ trợ cho kế hoạch phát triển.

Thành lập Ban kiểm tra và đánh giá thực hiện kế hoạch có những đề xuất kịp thời để điều chỉnh kế hoạch.

- Đối với Phó Hiệu trưởng: Giúp Hiệu trưởng tổ chức thực hiện từng phần việc cụ thể, đồng thời kiểm tra đôn đốc và đánh giá việc thực hiện kế hoạch, đề xuất những giải pháp bổ sung vào kế hoạch.

- Đối với các tổ Chuyên môn: Tổ chức thực hiện kế hoạch trong tổ, kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch của các thành viên trong tổ. Tìm hiểu nguyên nhân, đề xuất những giải pháp để thực hiện tốt kế hoạch phát triển.

- Đối với các Đoàn thể trong nhà trường: Đôn đốc nhắc nhở các bộ phận thực hiện kế hoạch, tham mưu với Ban chỉ đạo thực hiện những vấn đề cần điều

chỉnh trong quá trình thực hiện kế hoạch.

- Đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên: Căn cứ kế hoạch tự đánh giá, kế hoạch từng năm học để xây dựng kế hoạch công tác cho từng bộ phận. Đánh giá việc thực hiện từng giai đoạn có rút kinh nghiệm, đề xuất các giải pháp bổ sung trong kế hoạch để đạt kết quả cao nhất.

3.2.2. Cách thức tổ chức tự đánh giá:

Bước 1. Trước khi thu thập thông tin minh chứng.

B1.1. Xác định nội dung yêu cầu của từng tiêu chí.

B1.2. Tìm nguồn thông tin MC đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí: Cơ quan và cấp ban hành văn bản, MC, tên người, bộ phận, nơi có thể thu thập được thông tin, MC, kế hoạch, phương pháp, cách thức thu thập minh chứng.

Bước 2. Tiến hành thu thập minh chứng.

B2.1. Thành viên các nhóm chuyên trách tiến hành thu thập thông tin, MC.

B2.2. Huy động các bộ phận khác tham gia thu thập hoặc cung cấp MC.

Bước 3. Phân tích thông tin minh chứng.

B3.1. Chọn lọc MC theo nội dung yêu cầu của từng tiêu chí trong mỗi tiêu chuẩn đánh giá chất lượng.

B3.2. Phân tích và chứng minh các MC đã được chọn lọc đáp ứng các yêu cầu của các tiêu chí tương ứng.

B3.3. Tập hợp minh chứng vào các biểu bảng thống kê và danh mục minh chứng của trường.

B3.4. Lưu trữ minh chứng trong hồ sơ tự đánh giá.

Bước 4. Viết phiếu đánh giá các tiêu chí.

B4.1. Mô tả và phân tích các hoạt động của nhà trường đáp ứng được yêu cầu của tiêu chí.

B4.2. Nhận định những điểm mạnh của nhà trường về tiêu chí này.

B4.3. Chỉ ra những tồn tại cần khắc phục và nguyên nhân.

B4.4. Đề ra kế hoạch hành động, phát huy những điểm mạnh và khắc phục

những tồn tại.

B4.5. Đánh giá mức đạt yêu cầu của các tiêu chí.

3.2.3. Công cụ đánh giá.

Thông tư số 18/TT-BGDĐT, ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 22 tháng 8 năm 2018 Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ.

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3:

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường.

Mở đầu:

Nhà trường có phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; đồng thời có đầy đủ cơ cấu tổ chức bộ máy, lớp học, số học sinh, chi bộ Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh, các tổ chuyên môn, tổ văn phòng, các tổ chức xã hội khác và các hội đồng hoạt động theo quy định của Điều lệ trường trung học cơ sở, và các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công tác quản lý cán bộ giáo viên, nhân viên, quản lý các hoạt động giáo dục, quản lý hành chính, tài chính, tài sản theo các quy định hiện hành.

Thực hiện các phong trào thi đua; quy chế dân chủ và hệ thống hồ sơ, sổ sách lưu trữ đầy đủ theo quy định. Nhà trường luôn đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho học sinh và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên; phòng chống bạo lực học đường, phòng chống dịch bệnh, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, các tệ nạn xã hội trong trường.

Tiêu chí 1.1. Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

Mức 1.

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của Phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), CBQL, giáo viên, nhân viên, học sinh, CMHS và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường đã xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường từ năm 2025 đến năm 2030 phù hợp với mục tiêu giáo dục phổ thông được quy định tại Luật Giáo dục số 43/2019/QH14, ngày 14/6/2019 của Quốc hội, giúp học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo; Đảng ủy xã Phì Nhừ, Hội đồng nhân dân xã Phì Nhừ đã xây dựng các nghị quyết gắn với đó là các chỉ tiêu cụ thể cho giáo dục xã nhà phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng năm, từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02].

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên Đông phê duyệt [H1-1.1-01].

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được công khai dưới nhiều hình thức: đăng tải công khai lên trang web của nhà trường theo địa chỉ <http://ptdtbtthcspunhi.pgddienbiendong.edu.vn/>; đồng thời được công khai trước Hội đồng trường, cơ quan quản lý giáo dục, cán bộ giáo viên, phụ huynh và học sinh [H1-1.1-03].

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05]; [H1-1.1-06].

Hằng năm, nhà trường đã kiểm tra, giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược và định kì rà soát, bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với mục tiêu giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và nguồn lực của nhà trường, có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường CBQL, giáo viên, nhân viên, học sinh, CMHS và cộng đồng [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05]; [H1-1.1-06].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển đến năm 2025, tầm nhìn 2030 phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật Giáo dục; với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn, bám sát điều kiện thực tiễn và các nguồn lực của nhà trường, được công khai, tổ chức thực hiện có hiệu quả. Định kì kiểm tra, rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường sát với tình hình thực tế.

3. Điểm yếu:

Công tác tham gia, đóng góp ý kiến của phụ huynh và cộng đồng để xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường chưa được tích cực.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2025 - 2026 tiếp tục phát huy vai trò của Hội đồng trường, CBQL, giáo viên, nhân viên, CMHS và cộng đồng trong việc đóng góp ý kiến xây dựng được phương hướng, chiến lược và phát triển nhà trường. Thường xuyên kiểm tra, rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường sát với tình hình thực tế và các quy định mới.

Từ năm học 2024 - 2025 nhà trường gửi kế hoạch tới Ban đại diện CMHS, thông qua cuộc họp phụ huynh để lấy ý kiến về phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường từ đó nhà trường sẽ có điều chỉnh kế hoạch phù hợp với tình hình địa phương qua từng năm.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 1.2. Hội đồng trường và các hội đồng khác.

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;*
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá;*

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng:

Hội đồng trường được thành lập theo quy định tại Điều 10, Điều lệ trường THCS, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT, ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Hội đồng trường được thành lập theo quyết định 50/QĐ-UBND ngày 17/1/2021 của UBND huyện Điện Biên Đông về việc công nhận Hội đồng trường các trường tiểu học, THCS, PTDTBT, PTDTBT TH và THCS nhiệm kỳ 2021-2026 và quyết định số 2232/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND huyện Điện Biên Đông về việc kiện toàn Hội đồng trường các trường tiểu học, THCS, PTDTBT nhiệm kỳ 2021-2026. Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng tư vấn (Hội đồng chấm kiểm tra, Hội đồng coi kiểm tra, Hội đồng chấm sáng kiến kinh nghiệm, Tổ tư vấn tâm lý học đường...) được thành lập theo quy định [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02].

Hội đồng trường thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ quyền hạn theo quy định tại Điều lệ trường trung học. Hội đồng trường chịu trách nhiệm quyết nghị về phương hướng, mục tiêu, chiến lược hoạt động của nhà trường, giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược và các hoạt động của nhà trường [H1-1.1-04].

Hội đồng thi đua khen thưởng thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 12 Điều lệ trường THCS, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong những năm qua cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường không vi phạm kỷ luật nên nhà trường không thành lập Hội đồng kỷ luật [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03].

Hoạt động của các Hội đồng định kỳ được thực hiện rà soát, đánh giá [H1-1.1-04]; [H1-1.1-06].

Hội đồng trường và các hội đồng tư vấn khác (Hội đồng chấm kiểm tra, Hội đồng coi kiểm tra, Hội đồng chấm sáng kiến kinh nghiệm, Tổ tư vấn tâm lý học đường...) hoạt động theo quy định. Từ đó góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H1-1.1-06]; [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.1-04].

2. Điểm mạnh:

Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng và các Hội đồng tư vấn khác trong nhà trường được thành lập, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định.

Định kì rà soát, đánh giá, điều chỉnh phù hợp với thực tế của địa phương và nguồn lực của nhà trường. Hoạt động của các hội đồng góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

3. Điểm yếu:

Tổ tư vấn tâm lý của nhà trường do giáo viên kiêm nhiệm, không được đào tạo về chuyên môn nên chất lượng công tác tư vấn tâm lý cho học sinh còn có những hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Phát huy vai trò Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng và các Hội đồng tư vấn khác thực hiện thành công phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. Nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

Chủ tịch Hội đồng trường thường xuyên trao đổi với thành viên hội đồng là phụ huynh, học sinh để xây dựng các quyết nghị khoa học, hợp lý.

Tạo điều kiện để giáo viên kiêm nhiệm làm công tác tư vấn tâm lý học đường được tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực công tác.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.3. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức theo quy định.

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định

b) Hoạt động theo quy định.

c) Hằng năm các hoạt động được rà soát đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 1 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên.

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ.

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng:

Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định tại Điều 13, Điều lệ trường THCS, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03].

Các tổ chức đoàn thể nhà trường xây dựng kế hoạch và hoạt động theo quy định [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03].

Hằng năm, hoạt động của các tổ chức, đoàn thể được rà soát, đánh giá theo quy định [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03].

Chi bộ trường PTDTBT THCS Phì Nhừ gồm 16 đảng viên, qua Đại hội chi bộ nhiệm kỳ 2025-2027 ngày 11/02/2025 đã bầu Ban Chi ủy gồm 05 đồng chí theo đúng quy định tại Điều lệ Đảng. Chi bộ có nghị quyết theo nhiệm kỳ, kế hoạch hoạt động hằng năm, hoạt động đúng Điều lệ Đảng. Chi bộ lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền và các đoàn thể thực hiện nhiệm vụ giáo dục và hoạt động của các đoàn

thể. Đảng viên trong chi bộ thực hiện nghiêm túc Điều lệ Đảng, không vi phạm những Điều đảng viên không được làm, Chi bộ luôn quan tâm đến công tác giáo dục tư tưởng chính trị, xây dựng tổ chức, phát triển đảng viên mới, tạo nguồn cán bộ. Trong các năm 2022; 2023; 2024 Chi bộ được Đảng bộ xã Phì Nhừ đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ và được công nhận là Chi bộ trong sạch vững mạnh [H1-1.3-01].

Hằng năm, Chi bộ Đảng, tổ chức Công đoàn, Đoàn - Đội có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động của nhà trường và cộng đồng [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.1-06].

2. Điểm mạnh:

Tổ chức Đảng và các đoàn thể trong nhà trường được thành lập và hoạt động theo đúng quy định; xây dựng kế hoạch hoạt động rõ ràng, đúng chức năng, nhiệm vụ. Có nhiều đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường, nâng cao chất lượng giáo dục.

3. Điểm yếu:

Đoàn viên học sinh được kết nạp vào kì II của năm học lớp 9 nên công tác tổ chức hoạt động cho Đoàn viên học sinh còn ít thời gian và nội dung chưa phong phú.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2024 – 2025, Chi đoàn nhà trường huy động học sinh khối 9 tham gia các hoạt động phong trào của Đoàn thanh niên ngay từ đầu năm học làm căn cứ để xét kết nạp Đoàn viên.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 1.4. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng.

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;*
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

Mức 2:

a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;

b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường có 01 Hiệu trưởng, 02 Phó Hiệu trưởng đảm bảo tiêu chuẩn theo đúng quy định tại Điều 11, Điều lệ trường THCS, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT, ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Hiệu trưởng được Ủy ban nhân dân huyện Điện Biên Đông ra quyết định bổ nhiệm số Số 1613/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 quyết định về việc điều động bổ nhiệm đối với viên chức quản lý; Phó Hiệu trưởng được Ủy ban nhân dân Huyện Điện Biên Đông ra quyết định số 2519/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 quyết định về việc bổ nhiệm lại viên chức quản lý và số 33/QĐ-UBND ngày 12/1/2022 quyết định về việc bổ nhiệm lại viên chức quản lý [H1-1.4-01].

Các tổ chuyên môn gồm: Tổ KHTN, tổ KHXH, tổ văn phòng của nhà trường được thành lập theo đúng quy định tại Điều 14, Điều lệ trường THCS, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT, ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) [H1-1.4-02].

Hằng năm các tổ chuyên môn đều đề xuất và thực hiện được ít nhất một chuyên đề/ năm có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục [H1-1.4-03].

Các tổ chuyên môn và tổ Văn phòng đã xây dựng và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định. Các hoạt động của tổ chuyên môn, văn phòng được định kì rà soát, đánh giá, điều chỉnh [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04]; [H1-1.4-05].

Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường. Hằng năm, chất lượng đội ngũ giáo viên các tổ chuyên môn đều hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục: mỗi tổ chuyên môn đều có học sinh giỏi các cấp thuộc các bộ môn do tổ đảm nhiệm, giáo viên dạy giỏi các cấp, được lãnh đạo cấp trên khen thưởng, kết quả thi vào các trường Dân tộc nội trú đạt kết quả cao. Tuy nhiên, học sinh giỏi của trường phân bố không đồng đều, chủ yếu tập trung ở một số môn như Giáo dục công dân, Lịch sử và Địa lý [H1-1.4-02]; [H1-1.4-03]; [H1-1.4-05]; [H1-1.4-06]; [H1-1.4-07]; [H1-1.4-08]; [H1-1.1-06].

2. Điểm mạnh:

Hiệu trưởng nhà trường có năng lực quản lý, có nhiều đổi mới sáng tạo. Phó Hiệu trưởng có năng lực chuyên môn vững vàng, là cốt cán chuyên môn của phòng GD&ĐT huyện Điện Biên Đông. Ban giám hiệu luôn tâm huyết, trách nhiệm, năng động quyết định đến thành công của nhà trường.

Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng được thành lập đúng quy định. Các tổ xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch đảm bảo. Các tổ chuyên môn xây dựng được các chuyên đề nhằm tháo gỡ khó khăn, nâng cao chất lượng giáo dục. Hoạt động của các tổ được định kì rà soát, điều chỉnh mục tiêu và các giải pháp thực hiện nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

3. Điểm yếu:

Trong mỗi tổ chuyên môn gồm giáo viên thuộc nhiều môn học. Có môn chỉ có 01 giáo viên như: Môn Âm nhạc, Tiếng Anh, Tin học nên gặp nhiều khó khăn cho việc trao đổi chuyên môn. Còn thiếu giáo viên ở môn Mĩ thuật, nhân viên Văn thư, Y tế, Thư viện, Thiết bị. Hiện tại các giáo viên đang kiêm nhiệm.

Chất lượng thi học sinh giỏi chưa đồng đều ở các môn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2024 – 2025, nhà trường tạo điều kiện cho giáo viên giảng dạy các môn đặc biệt là môn Âm nhạc, Tiếng Anh tham gia sinh hoạt chuyên môn theo cụm,

giáo viên liên hệ học hỏi chuyên môn với các giáo viên cốt cán, giáo viên cùng chuyên môn trong huyện để nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ.

Từ năm học 2024-2025, Ban giám hiệu và các tổ chuyên môn lên kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi đồng đều ở các bộ môn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 1.5: Lớp học.

Mức 1:

- a) Có đủ các lớp của cấp học;*
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;*
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.*

Mức 2: Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3: Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh.

1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường có đủ các khối lớp học từ lớp 6 đến lớp 9 đảm bảo theo đúng quy định tại Điều 16, Điều lệ trường THCS, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT, ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].

Học sinh được tổ chức theo lớp, trong năm học 2024-2025 trường có 12 lớp số học sinh ở một số lớp vượt quá 40 học sinh; Mỗi lớp học được phân chia thành nhiều tổ và có đội ngũ ban cán sự lớp gồm: Lớp trưởng, lớp phó, các tổ trưởng và tổ phó do học sinh ứng cử hoặc giáo viên chủ nhiệm giới thiệu, được học sinh trong lớp, tổ bầu chọn vào đầu mỗi năm học hoặc sau mỗi học kỳ [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02]; [H1-1.5-03].

Hoạt động của lớp học bảo đảm tính dân chủ, tự quản, hợp tác. Mỗi học sinh được chủ động thảo luận, tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ và của lớp học với sự hướng dẫn, hỗ trợ của giáo viên [H1-1.5-03].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có số lớp và sĩ số học sinh từng lớp đảm bảo theo quy định. Hoạt động của lớp học bảo đảm tính dân chủ, tự quản, hợp tác. Mỗi học sinh được chủ động thảo luận, tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ và của lớp học với sự hướng dẫn, hỗ trợ của giáo viên; khuyến khích các em tham gia đầy đủ và một cách toàn diện vào các hoạt động chung của nhà trường.

3. Điểm yếu:

Một số lớp có số lượng vượt quá 40 học sinh.

Hoạt động tự quản của học sinh còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Duy trì số lớp, số học sinh đảm bảo theo Điều lệ trường trung học ban hành kèm Thông tư số: 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9 /2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đề nghị cấp có thẩm quyền quan tâm đầu tư xây dựng thêm phòng học để số học sinh mỗi lớp không vượt quá 40 học sinh.

Các lớp xây dựng và triển khai kế hoạch chủ nhiệm bám sát với chỉ tiêu của nhà trường và thực tế lớp chủ nhiệm. Xây dựng các biện pháp giáo dục học sinh đạt hiệu quả cao.

Giáo viên chủ nhiệm tăng cường giám sát, định hướng cụ thể, phân công nhiệm vụ phù hợp với từng đối tượng học sinh nhằm phát huy tối đa năng lực của đội ngũ hội đồng tự quản, cán sự lớp.

Đối với những lớp có số lượng học sinh đông, giáo viên bộ môn thiết kế tiết dạy phù hợp để tổ chức các hoạt động học tập đảm bảo yêu cầu cần đạt của chương trình và tăng cường phát huy phẩm chất, năng lực người học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.6. Quản lý hành chính, tài chính và tài sản.

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng CNTT hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Quản lý hành chính, tài chính và tài sản. Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng:

Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ đầy đủ, khoa học theo quy định, đặc biệt đảm bảo theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT [H1-1.6-01].

Nhà trường lập dự toán kinh phí hằng năm, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo công khai tài chính, tài sản theo Thông tư 61/2017/TT-BTC [H1-1.6-02]; [H1-1.6-03].

Hằng năm nhà trường đã thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính và xây dựng được quy chế chi tiêu nội bộ phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành [H1-1.6-03].

Nhà trường tổ chức quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục theo quy định [H1-1.6-03]; [H1-1.1-04].

Nhà trường đã ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hành chính, trong đó đã thực hiện sử dụng các phần mềm quản lý cán bộ viên chức, quản lý tài chính, tài sản, quản lý phổ cập, ... [H1-1.6-04].

Trong 03 năm liên tiếp tính từ năm 2023 đến nay nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán [H1-1.6-03].

Nhà trường có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương; trong dự toán ngân sách, kế hoạch phát triển nhà trường có nội dung kế hoạch tài chính. Tuy nhiên điều kiện kinh tế của địa phương còn hạn chế nên việc huy động nguồn tài chính ngoài ngân sách để sửa chữa các trang thiết bị chưa được nhiều [H1-1.6-03]; [H1-1.1-02].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có đủ chủng loại hồ sơ và được lưu trữ theo quy định.

Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản theo quy định. Hằng năm có báo cáo quyết toán, thống kê tài chính. Báo cáo công khai tài chính. Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ đúng theo các quy định hiện hành. Quy chế chi tiêu nội bộ được điều chỉnh bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế.

Khai thác, sử dụng hiệu quả các phần mềm: Quản lý cán bộ, quản lý tài chính, quản lý tài sản, cơ sở dữ liệu học tập... góp phần giảm tải thời gian, hồ sơ và nâng cao hiệu quả công việc.

Qua kiểm tra giám sát của các cấp có thẩm quyền nhà trường không vi phạm trong công tác quản lý hành chính, tài chính, tài sản.

3. Điểm yếu:

Điều kiện kinh tế của địa phương còn hạn chế nên việc huy động nguồn tài chính ngoài ngân sách để sửa chữa các trang thiết bị chưa được nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tiếp tục quản lý tốt các hoạt động giáo dục, sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị, các nguồn tài chính hiện có để phục vụ các hoạt động giáo dục trong nhà trường;

Lập dự toán và xây dựng kế hoạch mua mới bổ sung, sửa chữa máy tính, máy chiếu, máy photođã sử dụng trong nhiều năm;

Nhà trường tiếp tục vận động tài trợ từ các mạnh thường quân, các bậc phụ huynh có điều kiện để có nguồn tài chính sửa chữa các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động giáo dục nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 1.7. Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng CBQL, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của CBQL, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng:

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên của nhà trường được bồi dưỡng chuyên môn định kì trong hè theo kế hoạch của Bộ GD&ĐT, sở GD&ĐT và Phòng GD&ĐT ; Kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên cán bộ quản lí, giáo viên được xây dựng hằng năm từ của nhà trường đến tổ chuyên môn và từng giáo viên; triển khai thực hiện theo quy định tại Thông tư 19/2019/TT-BGDĐT, được sửa đổi bởi khoản 6 Điều 1 Thông tư 17/2022/TT-BGDĐT (Có hiệu lực kể từ ngày 20/01/2023) [H1-1.1-05]; [H1-1.4-03].

Hằng năm nhà trường có sự phân công, sử dụng CBQL, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường. Bảng phân công công tác hằng năm của nhà trường phân công nhiệm vụ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý theo phẩm chất năng lực của đội ngũ đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường [H1-1.7-01].

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của nhà trường được đảm bảo quyền theo quy định về chế độ tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và Bảo hiểm thất nghiệp... Được tạo điều kiện để thực hiện tốt nhiệm vụ, được hưởng mọi quyền lợi theo chế độ, tham gia quản lý nhà trường; thông qua Hội nghị công nhân viên chức, CBQL, giáo viên, nhân viên được thảo luận, biểu quyết các chỉ tiêu,

thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định [H1-1.2-04]; [H1-1.4-04]; [H1-1.6-03].

Nhà trường có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường. Hằng năm, nhà trường thực hiện tốt chế độ thi đua khen, thưởng để khích lệ, phát huy tốt hơn năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong những năm học tiếp theo [H1-1.7-01]; [H1-1.7-02]; [H1-1.7-03]; [H1-1.1-05]; [H1-1.1-06]; [H1-1.2-04].

2. Điểm mạnh:

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được bồi dưỡng chuyên môn tập trung và có kế hoạch tự bồi dưỡng chuyên môn hàng năm. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của nhà trường được phân công nhiệm vụ phù hợp với năng lực, được thực hiện các quyền lợi theo quy định, được động viên, khuyến khích trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, nâng cao năng lực về mọi mặt, từ đó góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

3. Điểm yếu:

Đội ngũ giáo viên mới trình độ chuyên môn chưa vững vàng, kinh nghiệm công tác chưa nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường tạo điều kiện bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên mới ra trường.

Tiếp tục phát huy những điểm mạnh trong công tác quản lý, xây dựng và phát triển đội ngũ để nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.8. Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường có kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, theo các văn bản hướng dẫn thực hiện, phù hợp với điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường. Kế hoạch giáo dục được xây dựng, điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tế tại nhà trường [H1-1.1-05]; [H1-1.4-03].

Kế hoạch giáo dục được thực hiện đủ 35 tuần [H1-1.8-01].

Hàng năm kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời thể hiện đầy đủ trong kế hoạch hoạt động chuyên môn trường theo năm học, học kì, tháng, tuần của nhà trường [H1-1.8-01]; [H1-1.1-05]; [H1-1.4-03].

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả: Nhà trường được các cấp lãnh đạo tặng nhiều giấy khen ghi nhận các đóng góp của nhà trường trong các hoạt động giáo dục. Hàng năm nhà trường thực hiện bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo đại trà, ôn thi học sinh vào lớp 10 [H1-1.1-05]; [H1-1.1-06]; [H1-1.2-04]; [H1-1.4-05].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, phù hợp với điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường. Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

3. Điểm yếu:

Chưa có nhiều giáo viên đạt giải cao trong Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp huyện, cấp tỉnh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2024 - 2025, Hiệu trưởng tiếp tục xây dựng và triển khai hiệu quả kế hoạch phát triển đội ngũ theo năm học và theo giai đoạn, tập trung vào việc phát huy vai trò lãnh đạo của cán bộ quản lý, phát huy năng lực sở trường của

từng cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường, từng bước nâng cao chất lượng cán bộ giáo viên nhân viên, chất lượng giáo dục.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.9. Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 1:

- a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;*
- b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;*
- c) Hàng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.*

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng:

Hàng năm cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đã được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường, đặc biệt được tập trung trong Hội nghị cán bộ, viên chức, các cuộc họp hội đồng [H1-1.9-01]; [H1-1.9-02]; [H1-1.1-04]; [H1-1.2-04].

Hàng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở thể hiện trong báo cáo thực hiện quy chế dân chủ báo cáo tổng kết năm học của nhà trường và báo cáo tổng kết công đoàn [H1-1.9-02]; [H1-1.1-06]; [H1-1.2-04].

Nhà trường có biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả bằng nhiều hình thức như trên công khai trên bảng tin và trên trang Web của nhà trường. Ban thanh tra nhân dân giám sát các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm của cơ quan, đơn vị theo quy định tại Điều 29 của Nghị định 99/NĐ-CP, ngày 28/7/2005 của Chính phủ. Khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm thì kiến nghị người có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật và giám sát việc thực hiện kiến nghị đó. Ngoài ra Công đoàn, các tổ chuyên môn thực hiện việc giám sát thực hiện quy chế dân chủ cơ sở. Các kế

hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường đều được dựa trên ý kiến đóng góp của toàn thể cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên. Nhà trường thực hiện tốt Quy chế dân chủ cơ sở, không có đơn khiếu nại, tố cáo [H1-1.9-02]; [H1-1.1-06]; [H1-1.1-04]; [H1-1.2-04].

2. Điểm mạnh:

Cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường. Thực hiện nghiêm túc Quy chế dân chủ cơ sở. Không có đơn khiếu kiện, tố cáo. Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

Các ý kiến, góp ý của cán bộ, giáo viên, nhân viên và phụ huynh học sinh được giải quyết triệt để tại nhà trường nên không có tình trạng đơn, thư vượt cấp xảy ra.

Hằng năm nhà trường, công đoàn đều có báo cáo tổng kết về nội dung thực hiện quy chế dân chủ.

3. Điểm yếu:

Ban thanh tra nhân dân chưa được tập huấn nghiệp vụ nên trong quá trình hoạt động còn gặp khó khăn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2024 – 2025, kiến nghị với cấp có thẩm quyền mở các lớp tập huấn nghiệp vụ kiểm tra, giám sát cho Ban thanh tra nhân dân.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.10. Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn bạo lực nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng:

Trong những năm qua, nhà trường luôn có những phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02]; [H1-1.10-03]; [H1-1.10-04]; [H1-1.10-05]; [H1-1.1-06]; [H1-1.4-04].

Nhà trường có hòm thư góp ý, cung cấp số điện thoại cố định của Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng để tiếp nhận các thông tin phản ánh của người dân và học sinh đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường [H1-1.10-06].

Trong nhà trường không có hiện tượng kỳ thị, không có hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà [H1-1.1-06]; [H1-1.4-04].

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an

toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.1-05]; [H1-1.1-06].

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả [H1-1.1-05]; [H1-1.1-06].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch cụ thể, khả thi, có các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học. Các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học được phổ biến hướng dẫn đến toàn thể cán bộ giáo viên, nhân viên và học sinh toàn trường. Tiếp nhận và xử lý kịp thời các thông tin về việc đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học. Khi phát hiện có hiện tượng liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự có các biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Trong những năm qua nhà trường không xảy ra hiện tượng bạo lực học đường, kì thi, vi phạm bình đẳng giới, mất an toàn trường học.

3. Điểm yếu:

Nhận thức của một số học sinh về đảm bảo an toàn phòng chống thương tích cho bản thân chưa cao và còn coi nhẹ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường tăng cường phối hợp với các cơ quan chức năng tập huấn về phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống cháy nổ, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm, phòng tránh các tệ nạn xã hội, phòng chống kỳ thị về giới và bạo lực cho cán bộ, giáo viên, học sinh.

Phối hợp với CMHS, các tổ chức trong và ngoài nhà trường hướng dẫn học sinh phòng chống tai nạn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Kết luận chung về tiêu chuẩn 1

1. Điểm mạnh:

Nhà trường đã xây dựng phương hướng, chiến lược phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật Giáo dục; với định hướng phát triển kinh tế - xã

hội của địa phương theo từng giai đoạn, bám sát điều kiện thực tiễn và các nguồn lực của nhà trường, được công khai, tổ chức thực hiện có hiệu quả.

Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng và các Hội đồng tư vấn khác trong nhà trường được thành lập, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định. Hoạt động của các hội đồng góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

Nhà trường có sổ lớp và sĩ số học sinh từng lớp đảm bảo theo quy định. Các lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ để bảo đảm cho các em tham gia một cách dân chủ và tích cực vào đời sống học đường; khuyến khích các em tham gia một cách toàn diện vào các hoạt động của nhà trường.

Nhà trường có đủ chủng loại hồ sơ và được lưu trữ theo quy định. Nhà trường lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản theo quy định. Nhà trường thực hiện đúng các quy định về Quy chế dân chủ cơ sở.

Nhà trường luôn làm tốt công tác quản lý cán bộ, giáo viên nhân viên. Có kế hoạch phát triển đội ngũ, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên. Công tác phân công nhiệm vụ được thực hiện công khai phù hợp với trình độ, nguyện vọng của mỗi cán bộ giáo viên, nhân viên nhằm phát huy năng lực của mỗi cá nhân. Góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong nhà trường. Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế nhà trường và địa phương. Thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ quản lý các hoạt động giáo dục.

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học, vệ sinh an toàn thực phẩm và các phương án thực hiện cụ thể khoa học. Trong những năm qua nhà trường không có hiện tượng bạo lực học đường, kì thị, vi phạm bình đẳng giới, mất an toàn trường học.

2. Điểm yếu:

Công tác tham gia đóng góp ý kiến của phụ huynh và cộng đồng để xây dựng phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường chưa được tích cực;

Số học sinh/lớp ở khối 7 vượt quá 40 em/lớp, không đảm bảo đạt mức 3 trong tiêu chí 1.5.

Tổ tư vấn tâm lý làm việc kiêm nhiệm, giáo viên không được đào tạo về nghiệp vụ tư vấn, không có giáo viên chuyên môn tâm lý học nên gây khó khăn cho quá trình tư vấn tâm lý học sinh.

Ban thanh tra nhân dân chưa được tập huấn nghiệp vụ nên trong quá trình hoạt động còn gặp nhiều khó khăn.

3. Kết quả tự đánh giá: Đạt mức 2.

Số lượng các tiêu chí đạt mức 1: $10/10 = 100\%$.

Số lượng các tiêu chí đạt mức 2: $10/10 = 100\%$.

Số lượng các tiêu chí đạt mức 3: $4/5 = 80\%$.

Số lượng các tiêu chí không đạt mức 3: $1/5 = 20\%$.

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mở đầu:

Trường PTDTBT THCS Phi Nhù có đầy đủ cơ cấu tổ chức về cán bộ quản lý, đảm bảo về cơ cấu và giáo viên theo Điều lệ trường trung học cơ sở.

Ban giám hiệu nhà trường gồm 03 đồng chí được bổ nhiệm theo quy định, nhiệt tình, sáng tạo, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc được giao.

Đội ngũ giáo viên trẻ, khỏe, năng động, nhiệt tình, tâm huyết với nghề, được học sinh tin yêu, quý mến. Nhà trường có đủ cơ cấu giáo viên giảng dạy theo quy định.

Nhân viên nhà trường được đào tạo theo đúng chuyên môn nghiệp vụ và có trách nhiệm cao trong công việc. Tuy nhiên, nhân viên chuyên trách Thư viện - Thiết bị, Văn thư - Thủ quỹ, nhân viên phục vụ nấu ăn cho học sinh còn chưa đảm bảo về số lượng.

Học sinh nhà trường đi học đúng độ tuổi, đa số các em học sinh chăm ngoan, thực hiện nghiêm túc các quy định về nhiệm vụ của học sinh.

Các tổ chức bộ máy trong nhà trường và cá nhân được phân công nhiệm vụ cụ thể công việc theo kế hoạch năm học.

Tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng.

Mức 1:

- a) Đạt chuẩn theo quy định;*
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý giáo dục theo quy định.*

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Trường PTDTBT THCS Phì Nhừ gồm 01 Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng đạt chuẩn về trình độ đào tạo theo quy định cụ thể: Hiệu trưởng có bằng Đại học Quản lý Giáo dục, 01 Phó Hiệu trưởng có bằng Thạc sĩ Toán và 01 Phó Hiệu trưởng có bằng Đại học Lịch sử; Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng có số năm dạy học trước khi được bổ nhiệm đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường trung học [H2-2.1-01]; [H1-1.4-01].

Hàng năm Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng được Phòng Giáo dục và Đào tạo đánh giá theo quy định chuẩn Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng xếp loại khá trở lên [H2-2.1-02].

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng đã được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ, trình độ lý luận chính trị, quản lý giáo dục, quản lý nhà nước. Hiệu trưởng có bằng Đại học Quản lý giáo dục, trung cấp lý luận chính trị và chứng chỉ quản lý nhà nước; 02 Phó Hiệu trưởng có bằng trung cấp lý luận chính trị, chứng chỉ bồi dưỡng quản lý giáo dục và quản lý nhà nước. Hàng năm Hiệu trưởng và

hai Phó Hiệu trưởng được tham gia lớp bồi dưỡng thường xuyên theo quy định [H2-2.1-01]; [H2-2.1-04]; [H2-2.1-05].

Mức 2:

Trong 03 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng được đánh giá đạt chuẩn ở mức khá trở lên, cụ thể: Năm học 2022-2023: Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng được đánh giá ở mức tốt, năm học 2023-2024: Hiệu trưởng được đánh giá ở mức tốt, 01 phó hiệu trưởng được đánh giá ở mức tốt và 01 phó hiệu trưởng được đánh giá ở mức khá. Năm học 2024-2025: Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng được đánh giá ở mức tốt [H2-2.1-02]; [H2-2.1-03].

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng đã đào tạo trình độ trung cấp lý luận chính trị theo quy định. Có nhiều kinh nghiệm và năng lực quản lý tốt, tích cực, nhiệt tình, có trách nhiệm cao, năng động, sáng tạo trong quá trình triển khai các hoạt động giáo dục nhà trường hàng năm được giáo viên và nhân viên trong trường tín nhiệm [H2-2.1-04]; [H2-2.1-06].

Mức 3:

Trong 03 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng được đánh giá đạt chuẩn ở mức khá trở lên, cụ thể: năm học 2022-2023: Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng được đánh giá ở mức tốt; năm học 2023-2024: Hiệu trưởng được đánh giá ở mức tốt, 01 phó hiệu trưởng được đánh giá ở mức tốt và 01 phó hiệu trưởng được đánh giá ở mức khá; năm học 2024-2025: Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng được đánh giá ở mức tốt [H2-2.1-02]; [H2-2.1-03].

2. Điểm mạnh:

Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đảm bảo chuẩn trình độ đào tạo theo quy định. Trong 03 năm Hiệu trưởng và 2 Phó Hiệu trưởng được đánh giá ở mức khá trở lên.

3. Điểm yếu:

Trong năm học 2022-2023, Hiệu trưởng chưa được xếp loại chuẩn Hiệu trưởng ở mức tốt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng tiếp tục bồi dưỡng nâng cao năng lực công tác, phấn đấu hằng năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá và tốt.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên.

Mức 1:

- a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;*
- b) Nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định.*
- c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.*

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;*
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;*
- c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;*
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.*

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Nhà trường có số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục [H2-2.2-01]; [H1-1.7-02].

Hiện tại nhà trường có tổng số 23 giáo viên, với 22 đồng chí đạt trình độ Đại học chiếm 95,6% và 1 đồng chí trên Đại học chiếm 4,4% [H2-2.2-01]; [H2-2.2-03].

Hàng năm có 100% giáo viên được hiệu trưởng đánh giá xếp loại chuẩn nghề nghiệp ở mức đạt trở lên tính đến thời điểm đánh giá [H2-2.2-02].

Mức 2:

Trong 03 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và trên chuẩn tăng dần theo lộ trình phù hợp [H2-2.2-01]; [H2-2.2-03].

Trong 03 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có trên 50% ở mức khá trở lên, cụ thể chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên: năm học 2022-2023 đạt 95,2%; năm học 2023-2024 đạt 95,8%; năm học 2024- 2025 đạt 100% [H2-2.2-02]; [H1-1.1-03].

Giáo viên nhà trường có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh thông qua các hoạt động giáo dục; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học. Trong 03 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.2-04]; [H2-2.2-05]; [H2-2.2-06]; [H2-2.2-07].

Mức 3:

Trong 03 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá số giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp duy trì được ở mức khá và ở mức tốt theo quy định, cụ thể: năm học 2022-2023 giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá chiếm 95,2%, mức tốt chiếm 4,8%; năm học 2023 – 2024 giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá chiếm 75%, tốt chiếm 20,8%; năm học 2024- 2025 giáo viên đạt mức khá chiếm 69,6%, tốt chiếm 30,4% [H2-2.2-02].

Trong 03 năm liên tiếp nhà trường đạt 02 giáo viên hướng dẫn có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học và 09 sáng kiến kinh nghiệm được công nhận, cụ thể: năm học 2022- 2023 không có giáo viên hướng dẫn báo cáo nghiên cứu khoa học, có 01 sáng kiến kinh nghiệm; năm học 2023- 2024 nhà trường có 01 giáo viên hướng dẫn báo cáo nghiên cứu khoa học kỹ thuật đạt giải nhì cấp huyện, có 02 sáng kiến kinh nghiệm được công nhận; năm học 2024- 2025 nhà trường có 01 giáo viên hướng dẫn báo cáo nghiên cứu khoa học kỹ thuật đạt giải nhì cấp huyện, có 06 sáng kiến kinh nghiệm được công nhận [H2-2.2-05].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục. Đội ngũ giáo viên được Hiệu trưởng đánh giá xếp loại chuẩn nghề nghiệp ở mức đạt trở lên, trong đó mức xếp loại tốt và khá, cụ thể: Năm học 2022-2023 đạt 95,2%; năm học 2023-2024 đạt 95,8%; năm học 2024- 2025 đạt 100%.

Giáo viên nhà trường có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh thông qua các hoạt động giáo dục; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học.

3. Điểm yếu:

Trong năm học 2022- 2023, nhà trường không có kết quả hướng dẫn nghiên cứu khoa học; giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt còn thấp (chiếm 4,8%).

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trong năm học 2025 – 2026 và các năm tiếp theo nhà trường khuyến khích giáo viên tham gia các lớp đào tạo bồi dưỡng chuyên môn và nâng trình độ đào tạo đạt trên chuẩn.

Xây dựng kế hoạch cụ thể, tổ chức thi đua, giao chỉ tiêu cho giáo viên phấn đấu để đảm bảo đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt, đạt kết quả hướng dẫn nghiên cứu khoa học kỹ thuật, công nhận đề tài sáng kiến và cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu niên.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên.

Mức 1:

- a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;*
- b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;*
- c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.*

Mức 2:

- a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;*
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3:

- a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm.*
- b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.*

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Nhà trường có 01 nhân viên kế toán; 01 nhân viên y tế; 01 bảo vệ hợp đồng; có giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công như: Thủ quỹ, Thiết Bị - Thư Viện, Văn Thư [H1-1.7-02].

Cán bộ nhân viên, giáo viên kiêm nhiệm được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực [H1-1.7-02].

Đội ngũ nhân viên, giáo viên kiêm nhiệm thực hiện nghiêm túc, đạt hiệu quả công việc được giao và được Hiệu trưởng đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên, cụ thể: trong 03 năm nhân viên kế toán đánh giá hoàn tốt; nhân viên Y tế được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; nhân viên nấu ăn và bảo vệ, giáo viên kiêm nhiệm hoàn thành nhiệm vụ trở lên [H2-2.3-02].

Mức 2:

Hiện tại nhà trường có 01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên y tế, có 04 giáo viên kiêm nhiệm ở các vị trí Thủ quỹ, Thiết bị - Thư viện, Văn thư; có 03 nhân viên hợp đồng nấu ăn; 01 bảo vệ hợp đồng [H1-1.7-02]; [H1-2.3-01].

Trong 03 năm tình đến thời điểm đánh giá nhà trường không có nhân viên, giáo

viên kiêm nhiệm bị kỉ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.3-02]; [H1-1.1-03].

Mức 3:

Nhân viên có trình độ đào tạo đáp ứng theo vị trí việc làm như nhân viên kế toán và y tế có trình độ đại học, nhân viên hợp đồng phục vụ nấu ăn có 01 nhân viên trình độ sơ cấp nấu ăn. Giáo viên kiêm nhiệm không được tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ vị trí được phân công như: Thủ quỹ, Thiết bị - Thư viện, Văn thư ảnh hưởng đến chất lượng công việc [H2-2.3-03]; [H2-2.3-05]; [H2-2.3-01].

Tháng 5 năm 2024, 01 nhân viên kế toán của nhà trường có sự điều chuyển vị trí công tác (chuyển đi) và 01 nhân viên kế toán được điều động về nhà trường đảm nhiệm kế toán) [H2-2.3-06].

Hằng năm, nhân viên Kế toán, Y tế được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm [H2-2.3-04].

2. Điểm mạnh:

Nhân viên và giáo viên kiêm nhiệm có tinh thần trách nhiệm, thực hiện có hiệu quả công việc được giao.

3. Điểm yếu:

Các vị trí việc làm: Thủ quỹ, Thiết bị - Thư viện, Văn thư do giáo viên kiêm nhiệm không được đào tạo chuyên sâu nên quá trình thực hiện nhiệm vụ đôi khi gặp khó khăn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường đề nghị với Phòng GD-ĐT bổ sung các nhân viên còn thiếu, đảm bảo nhân sự theo đúng quy định.

Hằng năm bố trí cho giáo viên kiêm nhiệm tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn theo vị trí việc làm.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh.

Mức 1:

- a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;*
- b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;*
- c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng:**Mức 1:**

Đa số học sinh nhà trường đi học đúng độ tuổi quy định của Điều lệ trường trung học, học sinh vào lớp 6 đảm bảo trong độ tuổi từ 11 đến 13 tuổi [H2-2.4-04].

Học sinh thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 34, Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT về học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục của nhà trường. Phần lớn học sinh trong trường lễ phép với thầy cô và người lớn tuổi, đoàn kết giúp đỡ nhau trong học tập, rèn luyện. Biết rèn luyện thân thể và vệ sinh cá nhân, giữ gìn bảo vệ tài sản của nhà trường, nơi công cộng; góp phần xây dựng bảo vệ và phát huy truyền thống của nhà trường [H1-1.5-02]; [H1-1.5-01]; [H1-1.1-03].

HS của nhà trường được đảm bảo đầy đủ các quyền tại Điều 35 Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT, Điều lệ trường THCS tham gia các cuộc thi học sinh giỏi, nghiên cứu khọc học kỹ thuật, sáng tạo thanh thiếu niên, công tác phong trào văn nghệ - thể dục thể thao [H2-2.4-01]; [H2-2.4-02]; [H2-2.4-03]; [H2-2.2-05]; [H2-2.2-06].

Mức 2:

Hằng năm, những học sinh vi phạm nội quy trường, lớp được được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02]; [H1-1.2-03].

Mức 3:

Hằng năm nhà trường có học sinh tham dự các cuộc thi học sinh giỏi, Hội thao cấp huyện, Hội thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật, QĐ khen thưởng HS tham gia các

cuộc thi HSG, nghiên cứu Khoa học kỹ thuật, ý tưởng khởi nghiệp, sáng tạo thanh thiếu niên, công tác phong trào Văn nghệ - thể dục thể thao [H2-2.4-01]; [H2-2.2-05]; [H2-2.2-06].

Học sinh có thành tích trong học tập, quyết định khen thưởng học sinh tham gia các cuộc thi học sinh giỏi, nghiên cứu khoa học kỹ thuật, sáng tạo sáng tạo thanh thiếu niên, công tác phong trào văn nghệ - thể dục thể thao có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường [H2-2.4-02]; [H1-1.4-07]; [H2-2.2-05]; [H2-2.2-06].

2. Điểm mạnh:

Học sinh nhà trường đi học phần lớn là đúng độ tuổi quy định, thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của học sinh theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT (Điều lệ trường Trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học).

Hằng năm, nhà trường có số lượng học sinh tham gia đội tuyển các cuộc thi học sinh giỏi, nghiên cứu khoa học kỹ thuật, sáng tạo sáng tạo thanh thiếu niên, công tác phong trào văn nghệ - thể dục thể thao đạt thành tích tăng lên có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

3. Điểm yếu:

Số lượng học sinh tham gia các cuộc thi và đạt thành tích trong phong trào văn nghệ - thể dục thể thao còn ít.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tiếp tục tổ chức các hoạt động dạy học, tập trung giáo dục mũi nhọn nâng cao dần số học sinh đạt giải trong các cuộc thi, hội thi.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Kết luận về tiêu chuẩn 2

1. Điểm mạnh:

Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đảm bảo chuẩn trình độ đào tạo theo quy định. Tính đến thời điểm đánh giá Hiệu trưởng có 02 năm được đánh giá ở mức tốt, 2 Phó Hiệu trưởng có 02 năm được đánh giá ở mức khá trở lên.

Nhà trường có số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục. Đội ngũ giáo viên được Hiệu trưởng

đánh giá xếp loại chuẩn nghề nghiệp ở mức đạt trở lên trong đó mức xếp loại tốt và khá, cụ thể: năm học 2022-2023 đạt 95,2%; năm học 2023-2024 đạt 95,8%; năm học 2024- 2025 đạt 100%.

Giáo viên nhà trường có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh thông qua các hoạt động giáo dục; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học.

Nhân viên và giáo viên kiêm nhiệm nhiệt tình, thực hiện có hiệu quả công việc được giao.

Học sinh nhà trường đi học đúng độ tuổi quy định, thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của học sinh theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT.

Hằng năm, nhà trường có đội tuyển học sinh đạt thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

2. Điểm yếu:

Trong 03 năm Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng được đánh giá ở mức tốt còn hạn chế: Hiệu trưởng có 01 năm chưa đạt mức chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt; 2 phó Hiệu trưởng có 01 năm xếp loại khá, 02 năm xếp loại tốt.

Nhà trường chưa có nhiều giáo viên đạt trình độ đào tạo trên chuẩn.

Các vị trí việc làm: Thủ quỹ, Y Tế học đường, Thiết Bị - Thư Viện, Văn Thư do giáo viên kiêm nhiệm.

Số lượng học sinh tham gia các cuộc thi về phong trào văn nghệ - thể dục thể thao đạt thành tích còn ít.

3. Kết quả tự đánh giá: Đạt mức 2.

Số lượng và tỉ lệ các tiêu chí đạt mức 1: $4/4 = 100\%$.

Số lượng và tỉ lệ các tiêu chí đạt mức 2: $4/4 = 100\%$.

Số lượng và tỉ lệ các tiêu chí đạt mức 3: $2/4 = 50\%$.

Số lượng và tỉ lệ các tiêu chí không đạt mức 3: $2/4 = 50\%$.

Tiêu chuẩn: 3 . Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học.

Mở đầu:

Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học là một trong những yếu tố quan trọng đáp ứng nhu cầu dạy - học của giáo viên, học sinh. Nhà trường có khu sân chơi,

bãi tập nhưng chưa đảm bảo các điều kiện theo quy định; có Khối phòng học nhưng chưa có phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập; Khối phòng hành chính - quản trị; Khu vệ sinh mới có 02 khu nam, 01 khu nữ nhưng chưa đảm bảo quy định. Chưa có hệ thống cấp thoát nước xung quanh trường; Thiết bị; Thư viện được bố trí sắp xếp hợp lý.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập.

Mức 1:

a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục.

b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh.

c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mức 2: Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3: Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất $6m^2$ /học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất $10m^2$ /học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Nhà trường có khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục, có biên bản kiểm tra hiện trạng khu đất để đầu tư xây dựng công trình [H3-3.1-01].

Nhà trường có cổng trường, biển tên trường đảm bảo theo quy định Góc phía trên, bên trái: Dòng thứ nhất: Ủy ban Nhân dân huyện và tên huyện, Dòng thứ hai: Phòng Giáo dục và Đào tạo; Ở giữa ghi tên trường theo quy định; Dưới cùng là địa chỉ, số điện thoại, có tường rào bao quanh đảm bảo an ninh trật tự theo quy định [H3-3.1-02].

Có khu sân chơi, bãi tập, có thiết bị tối thiểu, đảm bảo để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường [H3-3.1-02].

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục, có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động [H1-1.1-03].

Mức 3:

Tổng diện tích của nhà trường đang sử dụng là 9360,05m², đảm bảo đạt 26,9m²/học sinh [H1-1.1- 03]; [H3-3.1-01].

Nhà trường có diện tích mặt bằng và khu sân chơi, bãi tập diện tích 3600 m² /9360,05 m² chiếm tỉ lệ 38,5% tổng diện tích toàn trường, đảm bảo nhu cầu vui chơi và học tập cho học sinh, khu bãi tập có đủ các thiết bị thể dục thể thao [H3-3.1-01].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, diện tích đất 9360,05m² đảm bảo cho các hoạt động của nhà trường, có hệ thống cây xanh, cây cảnh được bố trí khoa học. Khu sân chơi, bãi tập rộng rãi (3600m²) đảm bảo đúng quy định thực hiện các hoạt động tập thể ngoài giờ. Có tường rào bao quanh đảm bảo an ninh trật tự cho các hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu:

Chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cấp có thẩm quyền.

Hệ thống cây xanh bóng mát chưa đảm bảo cho các hoạt động ngoài trời của học sinh vào mùa nắng.

Có 54m tường rào kiên cố, còn lại là rào bằng thép B40 và tà luy dương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Đề nghị cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhà trường.

Năm 2025-2026, nhà trường tiếp tục đề nghị cấp có thẩm quyền đầu tư xây dựng thêm tường rào bao quanh.

Đầu tư thêm các thiết bị tối thiểu để đáp ứng hoạt động thể dục thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Tiếp tục xây dựng cảnh quan nhà trường, tăng cường trồng, chăm sóc cây bóng mát, cây cảnh tạo khuôn viên xanh, sạch, đẹp.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập.

Mức 1:

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày.

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định.

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập.

b) Khối phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3: Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Nhà trường có 12 phòng học/12 lớp đảm bảo cho công tác dạy và học. Các phòng học đảm bảo đủ ánh sáng, thoáng mát, có đủ bàn ghế của học sinh, bàn ghế của giáo viên, có bảng đảm bảo theo quy định. Hệ thống bàn ghế học sinh, giáo viên, bảng trong lớp đảm bảo đúng kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc đảm bảo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế [H3-3.2-01].

Có 01 phòng Bộ môn Khoa học Tự nhiên, 01 phòng bộ môn Khoa học xã hội, 01 phòng Nghệ thuật, 01 phòng Ngoại ngữ 49m², 01 phòng Tin học 49m² 01 phòng đa chức năng [H3-3.3-01].

Có 01 phòng hoạt động Đoàn đội- Công đoàn 15m²; 01 phòng thiết bị 42m²; 01 phòng thư viện 60m² và 01 phòng truyền thống 54m² [H3-3.3-01].

Mức 2:

Phòng học, phòng học bộ môn của nhà trường được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, có đầy đủ các thiết bị dạy học, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập.

Khôi phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định [H3-3.1-02].

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Chưa có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt [H3-3.1-01].

2. Điểm mạnh:

Hệ thống phòng học; phòng học bộ môn có đầy đủ trang thiết bị đảm bảo đạt theo quy định; đảm bảo đủ ánh sáng, thoáng mát được bố trí khoa học.

3. Điểm yếu:

Chưa có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh đặc biệt.

Phòng học khoa học tự nhiên còn ghép nhiều môn học ảnh hưởng đến công tác dạy học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tham mưu UBND huyện xây dựng phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh đặc biệt.

Bố trí các phòng học, phòng học bộ môn hợp lý, thuận lợi để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh đặc biệt. Thường xuyên vệ sinh phòng học, theo dõi việc sử dụng các phòng bộ môn hiệu quả, nhắc nhở học sinh việc bảo vệ tài sản thiết bị, rà soát kiểm kê thiết bị, tài sản trong các phòng để có kế hoạch bổ sung kịp thời các thiết bị hư hỏng.

Ban giám hiệu, giáo viên chủ nhiệm và giáo viên bộ môn quan tâm theo dõi động viên thường xuyên đến học sinh có hoàn cảnh đặc biệt và học sinh khuyết tật, tạo điều kiện cho các em học tập hòa nhập.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị.

Mức 1:

a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính, quản trị của nhà trường.

b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.

c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.

Mức 2: Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3: Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Nhà trường có Khối hành chính - quản trị gồm các phòng: 01 phòng Hiệu trưởng, 02 phòng Phó hiệu trưởng, 01 Văn phòng trường, 01 phòng Y tế, 01 phòng Bảo vệ, 01 phòng Công Đoàn – Đoàn Đội, 01 nhà kho. Khu để xe giáo viên và học sinh được bố trí hợp lý đảm bảo an toàn, trật tự, đáp ứng được nhu cầu để xe của giáo viên và học sinh. Hàng năm, nhà trường đều tiến hành sửa chữa, mua sắm bổ sung các thiết bị cho khối hành chính - quản trị; Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường [H3-3.1-02]; [H3-3.3-01]; [H3-3.1-02].

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị theo quy định; nhà trường có 13 phòng nội trú học sinh, 01 bếp ăn, 01 nhà ăn đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.1-02]; [H3-3.3-06]; [H3-3.3-08].

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường [H3-3.3-05].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có khối phòng hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

3. Điểm yếu:

Nhà trường còn 02 máy photocopy, 01 máy tính xách tay, 01 máy in canon 2900 đã sử dụng lâu ngày, đã xuống cấp, còn hay hỏng hóc chưa đáp ứng được nhu cầu sử dụng phô tô tài liệu, đề kiểm tra, ... của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Ban Giám hiệu tích cực tham mưu với UBND huyện tạo để đầu tư xây dựng các phòng hành chính quản trị nhằm phục vụ cho hoạt động của nhà trường được thuận lợi.

Tiếp tục xây dựng quy chế khai thác, sử dụng tài sản công ở đơn vị để việc khai thác sử dụng các thiết bị văn phòng của đơn vị được hiệu quả, hạn chế tối đa sự hư hỏng, lãng phí.

Hàng năm tăng cường mua sắm các trang thiết bị y tế theo quy định để phục vụ tốt việc chăm sóc sức khỏe ban đầu cho học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước.

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập.

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước và xử lý nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định.

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ GD&ĐT.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Nhà trường có hai khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh, giáo viên, nhân viên [H3-3.4-01]; [H3-3.4-04].

Có hệ thống cấp nước đảm bảo vệ sinh môi trường. Có nguồn nước sạch đảm bảo vệ sinh môi trường, có máy lọc nước cung cấp đủ nguồn nước sạch, đáp ứng nhu cầu sử dụng của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.4-02]; [H3-3.4-05].

Có 02 khu hồ rác: 01 bên trường và 01 bên khu nội trú. Rác thải được thu gom và xử lý hàng ngày nhưng chưa đảm bảo theo đúng quy trình [H3-3.4-03].

Mức 2:

Khu vệ sinh thuận tiện, phù hợp với cảnh quan và theo quy định tại Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12 tháng 5 năm 2016 quy định về công tác y tế trường học [H3-3.4-01].

Nhà trường có nguồn nước đảm bảo vệ sinh môi trường, có máy lọc nước cung cấp đủ nguồn nước sạch, đáp ứng nhu cầu sử dụng của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.4-02]; [H3-3.4-05].

2. Điểm mạnh:

Trường có 02 khu vệ sinh riêng biệt cho học sinh nam, nữ, 02 khu vệ sinh riêng biệt cho học sinh nam, nữ đáp ứng nhu cầu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và toàn thể học sinh.

Trường có hệ thống nước sạch, hệ thống thoát nước cho tất cả các khu vực. Việc thu gom và xử lý rác đảm bảo vệ sinh, giữ gìn môi trường luôn sạch và đẹp.

Nhà trường có khu thu gom xử lý rác thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

3. Điểm yếu:

Nhà trường chưa có hệ thống thoát nước ngầm xung quanh trường. Nhà vệ sinh học sinh thời gian sử dụng đã lâu chưa được nâng cấp sửa chữa.

Việc thu gom và xử lý chất thải chưa đáp ứng theo quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tham mưu với các cấp, các ngành, huy động nguồn kinh phí đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp nhà vệ sinh cho học sinh, xây dựng hệ thống thoát nước ngầm xung quanh trường, đảm bảo vệ sinh môi trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 3.5: Thiết bị.

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Nhà trường có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường (5 máy tính, 5 máy in, 3 máy photocopy... để phục vụ văn phòng, 21 máy tính phục vụ giảng dạy), hệ thống máy tính được kết nối internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học [H3-3.5-01]; [H3-3.5-04].

Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định; Các phòng bộ môn đều được trang bị các dụng cụ, vật dụng phục vụ cho công tác chuyên môn [H3-3.5-01].

Đầu năm, cuối năm học, nhà trường đều tiến hành kiểm kê và tiến hành sửa chữa để phục vụ các hoạt động của nhà trường, có ghi biên bản kiểm kê thiết bị [H3-3.5-02]; [H3-3.5-03].

Mức 2:

Hệ thống công nghệ thông tin kết nối internet và website của nhà trường đã đáp ứng yêu cầu dạy, học và quản lý nhà trường, có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định: sách giáo khoa, bản đồ, các phương tiện phục vụ cho công tác dạy và học [H3-3.5-04]; [H3-3.5-05].

Hàng năm các thiết bị được kiểm kê, bảo dưỡng sửa chữa và mua sắm thêm những thiết bị, hoá chất đã hết và được cấp bổ sung. Đội ngũ cán bộ giáo viên tích cực tự làm một số đồ dùng dạy để tăng hiệu quả giờ dạy [H3-3.5-06].

Mức 3:

Các phòng học bộ môn có đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H3-3.5-01].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường, hệ thống máy tính được kết nối internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học.

Có đủ thiết bị dạy học tối thiểu phục vụ nhu cầu sử dụng của giáo viên và học tập của học sinh, đảm bảo quy định của Bộ GD&ĐT. Công tác sử dụng và bảo quản đồ dùng thiết bị dạy học hằng năm được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả.

3. Điểm yếu:

Hệ thống máy chiếu, trang thiết bị dạy học còn chưa đủ để đáp ứng được yêu cầu phục vụ cho hoạt động dạy và học để nâng cao chất lượng giáo dục của

nhà trường. Một số máy chiếu đã được cấp từ lâu nên trong quá trình sử dụng hiệu quả đạt được chưa cao, chất lượng hình ảnh, video thấp.

Một số đồ dùng, thiết bị dạy học do sử dụng nhiều năm nên đã xuống cấp, hư hỏng, độ chính xác không cao.

Thiết bị dạy học tối thiểu của các khối lớp 6,7,8,9 theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 còn thiếu.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Hàng năm tăng cường công tác bảo quản, sử dụng, kiểm kê thiết bị, đồ dùng dạy học ở cuối mỗi kì học, cuối năm học để nắm bắt số lượng xây dựng kế hoạch bổ sung.

Tiếp tục tham mưu với cấp có thẩm quyền bổ sung các thiết bị, hoá chất kịp thời đảm bảo đáp ứng nhu cầu dạy và học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 3.6: Thư viện.

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường.

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh.

c) Hàng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Trường có 01 phòng thư viện bán kiên cố với diện tích 60m² được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các tài liệu tham khảo phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy và học; các hoạt động khác của nhà trường [H3-3.6-01].

Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh. Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các tài liệu tham khảo [H3-3.6-02].

Thư viện trường có 01 máy tính được kết nối Internet phục vụ nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.6-01].

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn được quy định tại quyết định số 01/2003/QĐ-BGD&ĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông ban hành ngày 2/1/2003 và quyết định số 01/2004/QĐ-BGD&ĐT ngày 29/1/2004 về Sửa đổi bổ sung Quyết định số 01/2003/QĐ-BGD&ĐT, Bộ giáo dục và Đào tạo [H3-3.6-02].

2. Điểm mạnh:

Thư viện trường đạt chuẩn theo quyết định số 01/2003/QĐ-BGD&ĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông ban hành ngày 2/1/2003 Đã xây dựng kế hoạch hoạt động cho từng năm học đảm bảo các văn bản hướng dẫn của các cấp phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, nhà trường. Cung cấp sách giáo khoa, sách tham khảo góp phần phục vụ kịp thời, đáp ứng đảm bảo cho việc giảng dạy giáo viên và học tập của học sinh.

3. Điểm yếu:

Nhà trường chưa bố trí riêng biệt phòng đọc của giáo viên và học sinh.

Trong thư viện chưa có nhiều đầu sách, nguồn tài liệu, sách tham khảo còn hạn chế. Kinh phí cấp cho thư viện bổ sung sách báo hàng năm còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường tiếp tục tham mưu cấp trên đầu tư xây dựng phòng đọc, tăng cường công tác xã hội hóa, tích cực vận động tài trợ trang bị thêm nhiều đầu sách tham khảo dành cho giáo viên và học sinh.

Đầu năm học mới phát động giáo viên, nhân viên nhà trường tham gia phong trào quyên góp, ủng hộ sách, báo, tài liệu,... bổ sung cho thư viện.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Kết luận về tiêu chuẩn 3

1. Điểm mạnh:

Nhà trường có đầy đủ hệ thống cổng trường, biển tên trường, khu sân chơi, bãi tập, đảm bảo an toàn để học sinh luyện tập thể dục, thể thao và tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

Các phòng học thiết kế đều có bảng viết, bàn ghế giáo viên, bàn ghế học sinh đầy đủ phù hợp với tầm vóc, độ tuổi học sinh trung học cơ sở. Phòng học đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; có đủ phòng học bộ môn theo quy định (nhưng chưa có thiết bị).

Nhà xe cho cán bộ giáo viên và học sinh đảm bảo diện tích và được đặt ở nơi thuận tiện, đảm bảo mỹ quan. Khu vệ sinh được thiết kế riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên và học sinh đáp ứng nhu cầu của giáo viên, nhân viên và học sinh.

Cán bộ giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường luôn có ý thức giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường. Việc gom rác và xử lý chất thải được thực hiện hàng ngày và đã trở thành nề nếp.

Thư viện nhà trường mở cửa hoạt động hàng ngày vào thứ 2, 4, 6 hàng tuần, đáp ứng yêu cầu dạy và học, phục vụ các hoạt động giáo dục khác của nhà trường. Đầu năm, cuối năm học thư viện nhà trường được kiểm kê, bổ sung, sửa chữa. Đặc biệt các phòng chức năng của nhà trường đủ thiết bị, đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả, đáp ứng với yêu cầu đổi mới phương pháp giáo dục.

2. Điểm yếu:

Nhà trường chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cấp có thẩm quyền.

Hệ thống máy chiếu, trang thiết bị dạy học còn chưa đủ để đáp ứng được yêu cầu phục vụ cho hoạt động dạy và học để nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

Thiết bị phòng học bộ môn không đồng bộ với chương trình giáo dục Phổ thông 2018, nhà trường còn 02 máy photocopy, máy tính xách tay, 01 máy in canon 2900 chưa đáp ứng được nhu cầu sử dụng, in ấn, phô tô tài liệu, đề kiểm tra, ... phục vụ cho công tác dạy học và giáo dục.

Nhà trường chưa có hệ thống thoát nước ngầm xung quanh trường. Nhà vệ sinh học sinh thời gian sử dụng đã lâu chưa được nâng cấp sửa chữa.

Việc thu gom và xử lý chất thải chưa đáp ứng theo quy định.

Một số đồ dùng, thiết bị dạy học do sử dụng nhiều năm nên đã xuống cấp, hư hỏng, độ chính xác không cao.

Chưa bố trí riêng biệt phòng đọc của giáo viên và học sinh.

Trong thư viện chưa có nhiều đầu sách, nguồn tài liệu, sách tham khảo còn hạn chế. Kinh phí cấp cho thư viện bổ sung sách báo hàng năm còn hạn chế.

3. Kết quả tự đánh giá: Đạt mức 2.

Số lượng và tỉ lệ các tiêu chí đạt mức 1: $6/6 = 100\%$.

Số lượng và tỉ lệ các tiêu chí đạt mức 2: $6/6 = 100\%$.

Số lượng và tỉ lệ các tiêu chí đạt mức 3: $1/4 = 25,0\%$.

Số lượng và tỉ lệ các tiêu chí không đạt mức 3: $3/4 = 75,0\%$.

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

Mở đầu:

Để làm tốt công tác giáo dục, nhà trường rất quan tâm xây dựng mối quan hệ gắn bó giữa gia đình, nhà trường và xã hội. Việc phối hợp giữa nhà trường với Ban đại diện cha mẹ HS từ nhiều năm nay đã và đang được phát huy hiệu quả trong các hoạt động của nhà trường nhất là công tác xã hội hóa trong việc phối hợp giáo dục HS, hỗ trợ cơ sở vật chất phục vụ cho dạy học, động viên khuyến khích HS có thành tích, HS khó khăn vươn lên trong học tập, HS nghỉ học quay trở lại trường học. Ngoài ra, mối quan hệ giữa nhà trường với chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể ngày càng phát triển, đó là những yếu tố quan trọng

góp phần vào thành tích chung của nhà trường trong những năm học qua.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Mức 1:

- a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại điều lệ Ban đại diện cha mẹ HS.*
- b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học.*
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch đúng tiến độ.*

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ trong các kì học, năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ HS; huy động HS đến trường, vận động HS đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp hiệu quả với nhà trường, xã hội trong công việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của điều lệ cha mẹ HS.

1. Mô tả hiện trạng:

Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập và hoạt động theo đúng quy định tại Điều 3 và Điều 9 của Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập và hoạt động theo đúng quy định tại Điều 3 và Điều 9 của Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Ban đại diện CMHS của lớp, nhà trường được thành lập vào đầu mỗi năm học và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện CMHS. Ban đại diện CMHS các lớp và nhà trường đã xây dựng kế hoạch hoạt động theo từng năm học [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02]; [H4-4.1-03].

Ban đại diện CMHS của lớp, nhà trường đã phối kết hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục như phối hợp với GV chủ nhiệm lớp và GV bộ môn tổ chức các hoạt động giáo dục HS, phối hợp với GV chủ nhiệm lớp chuẩn bị nội dung của các cuộc họp CMHS trong năm học, tham gia giáo dục đạo đức cho HS, bồi dưỡng, khuyến

khích HS giỏi, giúp đỡ HS yếu kém. Hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với CMHS; giúp đỡ HS nghèo, HS khuyết tật [H4-4.1-04]; [H4-4.1-05].

Ban đại diện CMHS đã phối hợp với nhà trường trong việc huy động HS đến trường, vận động HS đã bỏ học trở lại lớp. Công tác thu chi các khoản được ban đại diện CMHS các lớp thỏa thuận thu chi công khai, minh bạch. Nhờ có sự phối hợp có hiệu quả với Ban đại diện CMHS nên chất lượng 2 mặt giáo dục, các hoạt động thi đua của nhà trường hàng năm tăng lên rõ rệt, góp phần xây dựng nhà trường ngày một vững mạnh [H4-4.1-04]; [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05].

2. Điểm mạnh:

Ban đại diện CMHS được thành lập và hoạt động theo đúng Điều lệ và quy định của Bộ GD&ĐT (Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT).

Có kế hoạch hoạt động cụ thể hằng năm và tổ chức thực hiện đúng tiến độ.

Phối hợp hiệu quả với nhà trường trong các hoạt động giáo dục học sinh: tổ chức họp CMHS, giáo dục đạo đức, giúp đỡ HS yếu kém và có hoàn cảnh khó khăn.

Hoạt động tài chính công khai, minh bạch; có vai trò tích cực trong việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường.

3. Điểm yếu:

Một số CMHS còn thụ động, chưa quan tâm đến việc học tập và rèn luyện của con em mình.

Ban đại diện CMHS chưa mạnh dạn đề xuất ý kiến trong các cuộc họp, còn phụ thuộc vào nhà trường.

Việc lập và lưu trữ hồ sơ hoạt động chưa khoa học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

GVCN cần thường xuyên trao đổi với CMHS về tình hình học tập của HS, vai trò của cha mẹ trong giáo dục con; hướng dẫn phụ huynh về vai trò đồng hành cùng nhà trường.

GVCN thường xuyên cập nhật thông tin học sinh cho CMHS, tạo cầu nối trao đổi thường xuyên.

Nhà trường tổ chức lớp tập huấn kỹ năng làm việc, hướng dẫn lập kế hoạch, lưu trữ hồ sơ.

Mời gọi sự tham gia chủ động, gợi ý các nội dung đề CMHS dễ dàng đưa ra ý kiến.

Tăng cường sự phối hợp giữa phụ huynh và giáo viên chủ nhiệm, chủ động trong việc trao đổi và nắm bắt tình hình học tập, rèn luyện của học sinh.

Ý kiến đề xuất:

Nội dung công việc	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo	Thời gian hoàn thành	Kinh phí
GVCN cần thường xuyên trao đổi với CMHS về tình hình học tập của HS, vai trò của cha mẹ trong giáo dục con; hướng dẫn phụ huynh về vai trò đồng hành cùng nhà trường.	GVCN và cha mẹ học sinh	Trong năm học	Trong năm học	Không
GVCN thường xuyên cập nhật thông tin học sinh cho CMHS, tạo cầu nối trao đổi thường xuyên.	GVCN và cha mẹ học sinh	Trong năm học	Trong năm học	Không
Nhà trường tổ chức lớp tập huấn kỹ năng làm việc, hướng dẫn lập kế hoạch, lưu trữ hồ sơ.	Nhà trường cha mẹ học sinh	Trong năm học	Trong năm học	2.000.000 đồng
Mời gọi sự tham gia chủ động, gợi ý các nội dung đề CMHS dễ dàng đưa ra ý kiến.	Nhà trường	Trong năm học	Trong năm học	Không

Tăng cường sự phối hợp giữa phụ huynh và giáo viên chủ nhiệm, chủ động trong việc trao đổi và nắm bắt tình hình học tập, rèn luyện của học sinh.	GVCN và cha mẹ học sinh	Trong năm học	Trong năm học	Không
--	-------------------------	---------------	---------------	-------

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường.

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường.

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho HS; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch và các biện pháp cụ thể nhằm phát triển công tác giáo dục của nhà trường. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ cấp ủy Đảng, chính quyền đã tạo điều kiện thuận lợi cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Nhà trường huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định [H4-4.2-01]; [H4-4.2-02].

BGH, tổ chức đoàn thể nhà trường đã có kế hoạch phối hợp chặt chẽ với cấp ủy Đảng, chính quyền và các tổ chức xã hội, đoàn thể trong xã để tổ chức các hoạt động giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa đạo đức lối sống, văn nghệ, thể dục thể thao nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường. Để xây dựng môi trường trường học an toàn, lành mạnh, thực sự trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương, ngay từ đầu mỗi năm học nhà trường xây dựng các kế hoạch giáo dục, kế hoạch phòng cháy chữa cháy, cam kết đảm bảo ATGT, trật tự an ninh, không mua bán, vận chuyển, sử dụng sản xuất vũ khí trái phép, vật liệu nổ và các hoạt động y tế trường học, chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, phù hợp với tình hình thực tiễn của nhà trường. Nhà trường đã được các cấp có thẩm quyền công nhận là đơn vị đạt danh hiệu đơn vị văn hóa. Trong nhiều năm qua, trường không có cán bộ, GV, HS mắc các tệ nạn xã hội, bạo lực học đường [H1-1.6-06]; [H4-4.2-04]; [H1-1.1-05]; [H4-4.2-03]; [H1-1.1-04]; [H4-4.2-05]; [H4-4.2 - 07].

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền về công tác củng cố, phát triển trung tâm học tập cộng đồng với nhiều hình thức đa dạng, phong phú qua các phương tiện thông tin đại chúng, các hội nghị của các ban, ngành, đoàn thể đến các cơ sở, thường xuyên sử dụng hệ thống loa phát thanh, bảng tin của thôn, bản để thông tin đến mọi người dân, giúp người dân thực hiện tốt công tác trung tâm học tập cộng đồng [H4-4.2-07].

Nhà trường đã huy động các tổ chức cá nhân đóng góp công sức để tăng cường cơ sở vật chất, hỗ trợ các hoạt động giáo dục, khuyến học khuyến tài; huy động đóng góp nguồn lực trí lực tham gia xây dựng chủ trương, mục tiêu, biện pháp phát triển trường lớp; huy động để cùng giáo dục đạo đức, tư tưởng chính

trị, pháp luật, rèn kĩ năng sống... cho học sinh. Các nguồn lực được phát huy có hiệu quả [H4-4.2-02].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường chủ động tham gia ý kiến tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương thông qua các buổi giao ban, các báo cáo. Xây dựng chiến lược phát triển giáo dục dựa trên văn bản chỉ đạo cấp trên và tình hình thực tế của đơn vị đưa ra các mục tiêu thực hiện, chương trình hành động chiến lược để phát triển nhà trường. Nhà trường phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân của địa phương để tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường, xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh. Trong nhiều năm qua, trường không có cán bộ, GV, HS mắc các tệ nạn xã hội, bạo lực học đường.

Nhà trường đã huy động các tổ chức cá nhân đóng góp công sức để tăng cường cơ sở vật chất, hỗ trợ các hoạt động giáo dục, khuyến học khuyến tài; huy động đóng góp nguồn lực trí lực tham gia xây dựng chủ trương, mục tiêu, biện pháp phát triển trường lớp; huy động để cùng giáo dục đạo đức, tư tưởng chính trị, pháp luật, rèn kĩ năng sống... cho học sinh. Các nguồn lực được phát huy có hiệu quả.

3. Điểm yếu:

Hệ thống văn bản tham mưu lưu trữ chưa khoa học. Chưa tổ chức được nhiều buổi giao lưu văn hóa, văn nghệ để gắn kết với địa phương. Hoạt động chăm sóc các gia đình có công với cách mạng còn ít.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản tham mưu; tổ chức lưu trữ khoa học.

Mở rộng tổ chức các buổi giao lưu văn hóa – văn nghệ – thể thao với tổ chức, cá nhân tại địa phương vào các dịp lễ lớn.

Xây dựng kế hoạch chăm sóc, thăm hỏi định kỳ các gia đình chính sách, người có công tại địa phương.

Tăng cường truyền thông qua hệ thống phát thanh xã, bảng tin để quảng bá

hình ảnh nhà trường, nâng cao nhận thức cộng đồng.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Kết luận tiêu chuẩn 4

1. Điểm mạnh:

Ban đại diện CMHS của trường đã được thành lập từ đầu mỗi năm học và đã xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể, tổ chức thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn; chủ động, tích cực phối hợp với nhà trường trong việc giáo dục HS; khen thưởng, biểu dương HS có thành tích trong các hoạt động và hỗ trợ HS khuyết tật, HS có hoàn cảnh khó khăn. Kết quả hoạt động của Ban đại diện CMHS đã có tác dụng tích cực đối với việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục của nhà trường.

Nhà trường đã xây dựng chiến lược phát triển giáo dục dựa theo từng giai đoạn và tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện được phương hướng, chiến lược đã đề ra.

Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống; tuyên truyền, phổ biến pháp luật, ATGT và sử dụng điện an toàn, tiết kiệm cho HS.

Nhà trường đã huy động các nguồn lực từ phụ huynh HS, cá nhân, tổ chức trong và ngoài địa bàn phường để tu sửa cơ sở vật chất phục vụ việc dạy và học; hỗ trợ HS có hoàn cảnh khó khăn bằng cả tiền và hiện vật; hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động phong trào.

2. Điểm yếu:

Một số CMHS còn thụ động, chưa quan tâm đến việc học tập và rèn luyện của con em mình.

Ban đại diện CMHS chưa mạnh dạn đề xuất ý kiến trong các cuộc họp, còn phụ thuộc vào nhà trường.

Việc lập và lưu trữ hồ sơ hoạt động chưa khoa học.

Chưa tổ chức được nhiều buổi giao lưu văn hóa, văn nghệ để gắn kết với địa phương.

Hoạt động chăm sóc các gia đình có công với cách mạng còn ít.

3. Kết quả tự đánh giá:

Số lượng và tỉ lệ các tiêu chí đạt mức 1: $2/2 = 100\%$.

Số lượng và tỉ lệ các tiêu chí đạt mức 2: $2/2 = 100\%$.

Số lượng và tỉ lệ các tiêu chí đạt mức 3: $2/2 = 100\%$.

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục.

Mở đầu:

Trong những năm học qua công tác giáo dục trong nhà trường được thực hiện theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo chương trình giáo dục phổ thông. Tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh có hoàn cảnh khó khăn trong học tập và rèn luyện, có kế hoạch chọn và bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh học lực yếu, kém để nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường và thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định.

Nhà trường đã tổ chức các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp, quan tâm phát triển rèn kỹ năng sống cho học sinh thông qua các hoạt động học tập, hoạt động tập thể và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cho học sinh. Thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ phổ cập giáo dục của địa phương.

Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, khuyến khích sự tham gia chủ động, tự giác của học sinh; Giáo dục học sinh tham gia giữ gìn vệ sinh môi trường lớp học, nhà trường. Kết quả xếp loại hạnh kiểm, học lực của học sinh hằng năm cơ bản đáp ứng mục tiêu giáo dục.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông.

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường. Bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;

c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Mức 2:

a) *Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;*

b) *Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.*

Mức 3:

Hằng năm rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng:**Mức 1:**

Hằng năm nhà trường đã tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT đảm bảo mục tiêu giáo dục [H1-1.1-03]; [H1-1.8-01].

Trong quá trình giảng dạy giáo viên đã vận dụng linh hoạt các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, luôn nâng cao ý thức tự học, khả năng làm việc nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn [H1-1.8-01]; [H5-5.1-01]; [H1-1.1-03].

Nhà trường tổ chức thực hiện nghiêm túc việc kiểm tra, đánh giá học sinh theo đúng kế hoạch, đa dạng các hình thức, đảm bảo khách quan và hiệu quả [H5-5.1-02]; [H1-1.5-01].

Mức 2:

Nhà trường đã thực hiện dạy học đúng, đủ chương trình giáo dục đúng theo khung phân phối chương trình của Bộ GD&ĐT; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh [H1-1.8-01]; [H1-1.1-04]; [H1-1.4-04].

Hằng năm nhà trường chỉ đạo, tổ chức thực hiện hiệu quả kế hoạch phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu về văn nghệ, thể thao, học sinh giỏi các

môn văn hóa; phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện [H1-1.8-01]; [H5-5.1-03]; [H5-5.1-04]; [H1-1.1-03].

Mức 3:

Hằng năm nhà trường và các tổ chuyên môn đều tiến hành rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh [H1-1.1-03]; [H1-1.5-02]; [H1-1.5-01].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục. Giáo viên đã vận dụng linh hoạt các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; luôn nâng cao ý thức tự học, khả năng làm việc nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

Nhà trường chỉ đạo, tổ chức thực hiện hiệu quả kế hoạch phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu về văn nghệ, thể thao, học sinh giỏi các môn văn hóa; phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Cuối học kỳ và cuối năm học nhà trường, tổ chuyên môn tổ chức rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả của việc tác động các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

3. Điểm yếu:

Phương pháp tự học, khả năng hợp tác, làm việc theo nhóm và vận dụng kiến thức vào thực tiễn của một số học sinh còn hạn chế và hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trong quá trình giảng dạy giáo viên cần kiểm tra đánh giá phương pháp tự học của học sinh; phân nhóm đối tượng học sinh phù hợp, hướng dẫn học sinh cụ thể khi làm việc để nâng cao khả năng hợp tác nhóm của học sinh đặc biệt là học sinh yếu, kém; nâng cao khả năng vận dụng kiến thức vào thực tế cho học sinh qua các hoạt động ngoại khóa, các tiết học thực hành.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Hằng năm, nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục học sinh có năng khiếu về văn nghệ, thể thao, học sinh giỏi các môn văn hóa, học sinh giỏi máy tính cầm tay; học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện [H1-1.8-01]; [H5-5.1-05]; [H1-1.5-02].

Nhà trường đã tổ chức thực hiện kế hoạch bồi dưỡng học sinh có năng khiếu về văn nghệ, thể thao, học sinh giỏi các môn văn hóa, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện theo đúng kế hoạch giáo dục [H5-5.1-03]; [H1-1.1-03]; [H5-5.1-04]; [H5-5.1-05].

Cuối kì và cuối năm học nhà trường rà soát, đánh giá các hoạt động bồi dưỡng học sinh có năng khiếu về văn nghệ, thể thao, học sinh giỏi các môn văn hóa; học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện [H1-1.1-03]; [H2-2.4-03].

Mức 2:

Trong năm học học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu về văn nghệ, thể thao, học sinh giỏi các môn văn hóa; học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đều đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục [H1-1.3-05]; [H1-1.1-03]; [H1-1.5-02].

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được các cấp có thẩm quyền công nhận. Quyết định công nhận các môn văn hóa, máy tính cầm tay các năm, giải hội thao [H1-1.1-03]; [H2-2.4-03].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác bồi dưỡng học sinh có năng khiếu về văn nghệ, thể thao, học sinh giỏi các môn văn hóa; phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện phù hợp với đặc điểm điều kiện của nhà trường.

Cuối kì, cuối năm đều có sơ kết, báo cáo đánh giá, rút kinh nghiệm để có hướng cải tiến công tác bồi dưỡng học sinh có năng khiếu về văn nghệ, thể thao, học sinh giỏi các môn văn hóa, học sinh giỏi máy tính cầm tay và phụ đạo học sinh yếu, kém.

Trong năm học nhà trường có nhiều học sinh đạt kết quả cao trong các cuộc thi học sinh giỏi các môn văn hóa, năng khiếu về văn nghệ, thể thao được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

3. Điểm yếu:

Nhà trường chưa có giáo viên dành riêng cho việc giáo dục trẻ khuyết tật.
Số lượng học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hóa khối lớp 9 còn ít.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tăng cường tập huấn cho giáo viên về các phương pháp giáo dục dành cho trẻ gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện (trẻ khuyết tật).

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch ôn thi học sinh giỏi, lựa chọn những giáo viên có kinh nghiệm, ưu tiên những môn có khả năng đạt giải. Có chính sách khuyến khích, động viên khen thưởng kịp thời, xứng đáng.

Đầu tư kinh phí mua các tài liệu tham khảo phục vụ công tác ôn học sinh giỏi, nhất là các khối theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018, khuyến khích các giáo viên trao đổi chuyên môn với những giáo viên có kinh nghiệm và đạt giải cao ở các trường trong huyện và trong tỉnh.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định.

Mức 1:

- a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch.*
- b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả.*
- c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.*

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Nhà trường đã thực hiện xây dựng biên soạn chương trình giáo dục địa phương theo quy định. Giáo viên đã xây dựng và thực hiện đầy đủ, nghiêm túc kế hoạch giáo dục địa phương của nhà trường [H1-1.8-01]; [H5-5.1-01]; [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02].

Nhà trường tổ chức thực hiện nghiêm túc việc kiểm tra, đánh giá học sinh theo đúng kế hoạch, đa dạng các hình thức, đảm bảo khách quan và hiệu quả [H5-5.1-02]; [H1-1.5-01].

Hằng năm cuối mỗi năm học, nhà trường đã tiến hành rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu về nội dung chương trình giáo dục địa phương [H1-1.1-03]; [H5-5.3-02].

Mức 2:

Trong năm học nhà trường đã tiến hành xây dựng kế hoạch và thực hiện nội dung giáo dục địa phương thông qua lồng ghép các môn học như Địa Lí, Lịch Sử, GDCD, Ngữ Văn và các hoạt động ngoại khóa phù hợp với mục tiêu của môn học và phù hợp với thực tiễn địa phương. Từ năm học 2021 – 2022, nhà trường đã có sách giáo khoa dành riêng cho môn học giáo dục địa phương [H5-5.1-01]; [H5-5.3-02].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã chỉ đạo giáo viên thực hiện nghiêm túc kế hoạch giáo dục địa phương theo yêu cầu đã quy định của các môn học. Xây dựng được kế hoạch hoạt động, lồng ghép, tích hợp việc dạy học chương trình chung với chương trình giáo dục địa phương với hoạt động ngoại khóa thực hiện chương trình giáo dục địa phương. Chỉ đạo Đoàn Đội phối hợp với giáo viên tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho học sinh trong các buổi hoạt động ngoài giờ lên lớp có nội dung giáo dục địa phương như: tìm hiểu lịch sử địa phương (được lồng ghép trong môn Lịch sử), tìm hiểu địa lí địa phương (qua môn Địa lí), những cảnh đẹp quê hương đất nước của địa phương (qua môn Ngữ văn), những vấn nạn xã hội mà địa phương đang diễn ra như vấn nạn ăn lá ngón tự tử, ma túy, buôn bán người qua biên giới, an toàn giao thông và sức khỏe sinh sản vị thành niên ở địa phương... Đối với lớp 6,7,8 theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 có môn Giáo dục địa phương.

Tiến hành kiểm tra, đánh giá các nội dung giáo dục địa phương theo quy định.

Đã tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động ngoại khóa có nội dung giáo dục địa phương tương đối sinh động, hiệu quả.

3. Điểm yếu:

Tài liệu về giáo dục địa phương chưa phong phú.

Việc rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu và đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương hằng năm chưa thực sự tích cực.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Giáo viên cần tích cực tìm tòi tư liệu trau dồi kiến thức địa phương; cập nhật tài liệu, điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương phải kịp thời trong mỗi

năm học nhất là về những đổi thay trong từng năm những vấn đề kinh tế, văn hóa xã hội của tỉnh.

Hằng năm giáo viên cần sưu tầm bổ sung thêm tư liệu giáo dục địa phương để sử dụng trong giảng dạy.

Thành lập tổ kiểm tra đánh giá, rà soát, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh kịp thời các nội dung giáo dục địa phương hằng năm.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp.

Mức 1:

- a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch.*
- b) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.*

Mức 2:

- a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực.*
- b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.*

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Hằng năm nhà trường có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường [H2-2.2-04]; [H5-5.1-01]; [H1-1.3-05].

Nhà trường chỉ đạo tổ chức xây dựng và thực hiện đảm bảo kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục hướng nghiệp và trải nghiệm cho học sinh [H2-2.2-04].

Nhà trường đã phân công cho giáo viên dạy học hướng nghiệp với học sinh lớp 9 và có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường [H2-2.2-07].

Mức 2:

Các hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp được tổ chức với hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp với học sinh và thu được kết quả thiết thực [H1-1.3-05]; [H2-2.2-04].

Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp [H2-2.2-04]; [H1-1.3-05].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch, phân công các tổ chức nhà trường lên các chuyên đề trải nghiệm sáng tạo và giảng dạy hướng nghiệp cho học sinh ngay từ đầu năm học. Tổ chuyên môn, các tổ chức trong nhà trường đã xây dựng và thực hiện tốt các kế hoạch, tổ chức cho học sinh thực hiện thành công các chuyên đề hoạt động trải nghiệm sáng tạo thông qua việc lồng ghép trong các giờ học chính khóa, các hoạt động ngoại khóa.

Giáo viên đã tích cực sưu tầm và nghiên cứu các tài liệu giảng dạy, chuẩn bị tốt các điều kiện về tài liệu và dụng cụ thực hành cho học sinh học nội dung giáo dục hướng nghiệp.

3. Điểm yếu:

Hoạt động trải nghiệm sáng tạo mới chỉ tổ chức theo các chuyên đề và ở một số tiết trong một số bài học, một số môn học, chưa được giáo viên thực hiện rộng rãi trong tất cả các môn học.

Công tác giảng dạy hướng nghiệp chủ yếu là giáo viên tư vấn, định hướng phân luồng học sinh, định hướng nghề nghiệp đối với học sinh lớp 9.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Phối hợp với các cơ quan chuyên môn định hướng nghề cho học sinh khối 9.

Giáo viên tích cực tự học, tự bồi dưỡng, đổi mới phương pháp dạy học, có giải pháp lồng ghép hoạt động trải nghiệm sáng tạo đối với tất cả các môn học nâng cao kỹ năng trải nghiệm cho học sinh.

Giáo viên tăng cường tìm hiểu, bồi dưỡng nâng cao năng lực hướng nghiệp cho học sinh lớp 9.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2.

Tiêu chí 5.5: Hình thành và phát triển kỹ năng sống cho học sinh.

Mức 1:

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương.

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục.

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện.

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3:

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

1. Mô tả hiện trạng:**Mức 1:**

Chuyên môn và các tổ chức khác trong nhà trường hàng năm đều có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh nhằm hình thành phát triển kỹ năng sống phù hợp với học sinh và điều kiện nhà trường [H5-5.1-01]; [H1-1.1-05].

Thông qua các hoạt động học sinh được rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật, học sinh có những chuyển biến tích cực về nhận thức và kỹ năng chấp hành Luật Giáo dục, Luật Trẻ em, Luật An toàn giao thông, Luật Phòng chống ma túy, Luật Phòng cháy và chữa cháy, Luật Bảo vệ rừng...; các kỹ năng phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống bạo lực học đường [H1-1.1-03]; [H2-2.2-04]; [H1-1.5-02].

Thông qua các hoạt động giáo dục, đạo đức lối sống của học sinh từng bước được hình thành phát triển phù hợp với pháp luật phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam [H1-1.1-03]; [H1-1.5-02].

Mức 2:

Trong quá trình giáo dục, giáo viên luôn hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của bản thân để từ đó các em nhận ra điểm mạnh, điểm yếu của bản thân để có hướng sửa chữa, khắc phục [H5-5.5-01].

Thông qua các hoạt động giáo dục học sinh biết vận dụng kiến thức vào thực tiễn cuộc sống [H2-2.2-04].

Mức 3:

Nhà trường hàng năm đã xây dựng kế hoạch và ra quyết định phân công giáo viên hướng dẫn học sinh nghiên cứu KHKT, tham gia thi sáng tạo thanh thiếu niên cấp huyện trong năm học đã đạt giải nhì KHKT cấp huyện [H2-2.2-04]; [H2-2.4-03], [H2-2.2-05].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh thông qua việc lồng ghép trong các giờ học chính khóa, các hoạt động ngoại khóa, để truyền thông, giáo dục các kiến thức kỹ năng thông thường cho học sinh, nâng cao ý thức, trách nhiệm của học sinh trong chấp hành pháp luật, hiểu biết xã hội, học sinh của nhà trường đã tích cực tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học, bước đầu đã mang lại kết quả đáng khích lệ.

3. Điểm yếu:

Việc giáo dục hình thành một số kỹ năng sống còn hạn chế như kỹ năng phòng chống cháy nổ (do không có chuyên gia hướng dẫn), kỹ năng phòng chống đuối nước (do không có bể bơi tại trường).

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Ban giám hiệu phối hợp với Đội phòng cháy, chữa cháy công an huyện Điện Biên Đông tổ chức, triển khai tập huấn cho các em học sinh các lớp.

Đối với nguy cơ đuối nước nhà trường chỉ đạo các giáo viên thể dục, y tế học đường cho học sinh xem các video tập huấn về kỹ thuật bơi, kỹ thuật thoát hiểm và cứu, sơ cứu người bị đuối nước.

Tăng cường công tác kiểm tra việc tích hợp nội dung giáo dục kỹ năng sống cho học sinh, cụ thể ở các môn có nội dung theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT.

Giáo viên tích cực tự học, tự bồi dưỡng nâng cao phương pháp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh. Tạo điều kiện, khuyến khích, động viên để các em học sinh được thể hiện tính tự chủ, quyết đoán, tự tin trước tập thể, trước công việc.

Tăng cường rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh qua các hoạt động học tập hoặc các hoạt động ngoại khóa, đồng thời hướng các em vào việc vận dụng những kiến thức đó vào thực tế để giải quyết các vấn đề vướng mắc trong cuộc sống.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục.

Mức 1.

- a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;*
- b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;*
- c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.*

Mức 2:

- a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;*
- b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.*

Mức 3:

- a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:*

Tỷ lệ học sinh xếp loại Tốt của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên;

Tỷ lệ học sinh xếp loại Tốt của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên;

Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên;

Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên;

Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học;

Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên.

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học;

Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Năm học 2024 – 2025: Kết quả học lực, hạnh kiểm của nhà trường đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường đề ra [H1-1.1-03]; [H1-1.5-01].

Năm học 2024 – 2025: Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt 100% [H1-1.1-03]; [H5-5.6-01]; [H5-5.6-02].

Nhà trường có định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường vào các trường phổ thông [H1-1.1-03]; [H5-5.6-03].

Mức 2:

Kết quả xếp loại học lực, hạnh kiểm học sinh trong năm học của nhà trường đã có chuyển biến tích cực [H1-1.1-03]; [H1-1.5-01].

Năm học 2024 - 2025 tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt 100% [H1-1.1-03].

Mức 3:

Năm học 2024 - 2025 tỷ lệ học sinh xếp loại khá đạt 43,9%, tỉ lệ học sinh giỏi (Tốt) đạt tỉ lệ 6,64% [H1-1.1-03]; [H1-1.5-01].

Tỷ lệ học sinh bỏ học giữa chừng: $7/440 = 1,6\%$ [H1-1.1-03]; [H1-1.5-01].

2. Điểm mạnh:

Kết quả xếp loại học lực, hạnh kiểm của học sinh hằng năm đáp ứng mục tiêu giáo dục, có chuyển biến tích cực.

Kết quả thi học sinh giỏi cấp tỉnh có 01 học sinh, học sinh giỏi cấp huyện khối 9 có 03 học sinh, khối 8 có 05 học sinh đạt giải.

Năm học 2024 – 2025, tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt 100%.

3. Điểm yếu:

Số lượng học sinh đạt danh hiệu học sinh giỏi cấp tỉnh, cấp huyện còn ít.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tiếp tục thành lập đội tuyển ôn thi học sinh giỏi cấp trường khối 6 đến khối 9 để tạo nguồn cho đội tuyển tham gia thi học sinh giỏi cấp huyện, cấp tỉnh có chất lượng.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Kết luận về tiêu chuẩn 5

1. Điểm mạnh:

Nhà trường đã tổ chức dạy học đúng các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục. Giáo viên đã vận dụng linh hoạt các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; luôn nâng

cao ý thức tự học, khả năng làm việc nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

Nhà trường đã chỉ đạo, tổ chức thực hiện hiệu quả kế hoạch phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu về văn nghệ, thể thao, học sinh giỏi các môn văn hóa; phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Cuối học kỳ và cuối năm học nhà trường, tổ chuyên môn tổ chức rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả của việc tác động các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh thông qua việc lồng ghép trong các giờ học chính khóa, các hoạt động ngoại khóa, để truyền thông, giáo dục các kiến thức kỹ năng cơ bản cho học sinh, nâng cao ý thức, trách nhiệm của học sinh trong chấp hành pháp luật, hiểu biết xã hội, học sinh của nhà trường đã tích cực tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học đạt kết quả đáng khích lệ.

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch, phân công giáo viên giảng dạy hướng nghiệp cho học sinh ngay từ đầu năm học. Chuyên môn và các tổ chức khác trong nhà trường đã xây dựng và thực hiện tốt các kế hoạch trải nghiệm cho học sinh tạo thông qua việc lồng ghép trong các giờ học chính khóa, các hoạt động ngoại khóa.

Giáo viên đã tích cực trong việc nghiên cứu tài liệu và chuẩn bị cơ sở vật chất phục vụ cho các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. Sau mỗi hoạt động đều được đánh giá, rút kinh nghiệm để thực hiện cho các hoạt động tiếp theo.

2. Điểm yếu:

Tính chủ động, tích cực, tự tin của một số học sinh còn chưa cao. Phương pháp tự học, khả năng hợp tác, làm việc theo nhóm và vận dụng kiến thức vào thực tiễn của một số học sinh còn hạn chế.

Nhà trường chưa có giáo viên dành riêng cho việc giáo dục trẻ khuyết tật.

Việc giáo dục hình thành một số kỹ năng sống ở học sinh còn hạn chế như kỹ năng phòng chống cháy nổ (do không có chuyên gia hướng dẫn), kỹ năng phòng chống đuối nước (do không có bể bơi tại trường), kỹ năng phòng chống buôn bán người.

3. Kết quả tự đánh giá: Đạt mức 3.

Số lượng và tỉ lệ các tiêu chí đạt mức 1: $6/6 = 100\%$.

Số lượng và tỉ lệ các tiêu chí đạt mức 2: $6/6 = 100\%$.

Số lượng và tỉ lệ các tiêu chí đạt mức 3: $4/4 = 100\%$.

II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4.

***Tiêu chí 1:** Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định, phù hợp và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.*

1. Mô tả hiện trạng:

Kế hoạch giáo dục của nhà trường và của cá nhân được xây dựng hằng năm theo quy định, phù hợp với mục tiêu giáo dục phổ thông. Kế hoạch đã bám sát nhiệm vụ giáo dục giúp học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo; phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

2. Điểm mạnh:

Kế hoạch hằng năm của nhà trường đã bám sát nhiệm vụ năm học của ngành, phù hợp với điều kiện của nhà trường. Đã xây dựng được mục tiêu, nhiệm vụ và biện pháp thực hiện có kết quả và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh.

3. Điểm yếu:

Kế hoạch giáo dục của nhà trường chưa có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định, phù hợp và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường lập kế hoạch cho cán bộ giáo viên nghiên cứu, tìm tòi để đưa một số nội dung học tập chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, trên các trang website giáo

dục bổ sung vào kế hoạch giáo dục của nhà trường góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

5. Tự đánh giá: Không đạt.

Tiêu chí 2: Đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.

1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường hàng năm xây dựng kế hoạch, kết nối với các tổ chức đảm bảo 100% học sinh thuộc hoàn cảnh gia đình khó khăn và học sinh có năng khiếu về văn hóa - thể thao hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan. [H2-2.4-02]; [H1-1.5-02]; [H1-1.3-05]; [H2-2.4-06]; [H1-1.1-03]

2. Điểm mạnh:

100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.

3. Điểm yếu:

Học sinh nhà trường còn chưa mạnh dạn tham gia một số hoạt động do kỹ năng giao tiếp hạn chế, bất đồng về ngôn ngữ.

Nguồn tài liệu phục vụ cho học sinh học tập, thể hiện năng khiếu còn ít.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường tăng cường giáo dục kỹ năng sống, tổ chức các hoạt động tập thể, hoạt động phong trào để học sinh tự tin hơn trong tham gia hoạt động.

Kêu gọi các nguồn tài trợ, từ thiện; đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 4.

Tiêu chí 3: Nhà trường tại địa bàn vùng khó khăn có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn. Nhà trường các vùng còn lại có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn được cấp thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường thuộc vùng sâu, vùng xa khó khăn là một trong những xã khó khăn nhưng hằng năm vẫn có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học đạt giải nhì cấp huyện năm học 2023 - 2024.

Hằng năm nhà trường có kế hoạch cho học sinh vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn. [H2-2.2-08]; [H2-2.2-07]; [H1-1.5-02]; [H1-1.3-05]; [H2-2.4-06]; [H1-1.1-03]

2. Điểm mạnh:

Hằng năm, nhà trường đều tổ chức cho học sinh tham gia cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng, thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh cấp THCS.

Năm học 2023-2024, sản phẩm dự thi cuộc thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh THCS của nhà trường đạt giải nhì cấp huyện.

Năm học 2024-2025, sản phẩm dự thi cuộc thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh THCS của nhà trường đạt giải nhì cấp huyện.

3. Điểm yếu:

Nhà trường có phân công giáo viên hướng dẫn học sinh tham gia cuộc thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật dành cho học sinh THCS. Tuy nhiên, kết quả đạt được chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường lập kế hoạch tổ chức cho những học sinh tham gia các cuộc thi được tìm hiểu nhiều các sản phẩm về ứng dụng công nghệ vào cuộc sống để kích thích sự tư duy, sáng tạo từ những kiến thức đã học và những tình huống trong cuộc sống để các em có thể vận dụng có ý tưởng sáng tạo, tạo ra những sản phẩm có tính ứng dụng thiết thực, hiệu quả trong cuộc sống.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 4.

***Tiêu chí 4:** Thư viện có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế. Thư viện có kết nối Internet băng thông rộng, có mạng không dây, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.*

1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường đã có thư viện đạt chuẩn nhưng chưa có có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế. Thư viện có kết nối Internet băng thông rộng, có mạng không dây, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; chưa có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.

2. Điểm mạnh: Thư viện nhà trường đạt chuẩn, có mạng không dây, đáp ứng yêu cầu hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu:

Thư viện chưa có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế.

Thư viện chưa có kết nối Internet băng thông rộng; chưa có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường tham mưu và trình Phòng GD-ĐT có kế hoạch và cấp kinh phí xây dựng thư viện đạt thư viện tiên tiến, có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực.

5. Tự đánh giá: Không đạt.

***Tiêu chí 5:** Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.*

1. Mô tả hiện trạng:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường đã xây dựng phương hướng chiến lược phát triển nhà trường. Tuy nhiên, chưa hoàn thành tất cả các mục tiêu đã đề ra.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã xây dựng phương hướng chiến lược phát triển nhà trường, và đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Điểm yếu:

Phương hướng chiến lược nhà trường chưa hoàn thành tất cả các mục tiêu đã đề ra.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường thực hiện hoàn thành các mục tiêu đã đề ra trong phương hướng đã xây dựng.

5. Tự đánh giá: Không đạt.

***Tiêu chí 6:** Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.*

1. Mô tả hiện trạng:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường chưa có năm nào mà kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.

2. Điểm mạnh: Không có.

3. Điểm yếu:

Kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường chưa được vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường sẽ lên kế hoạch phát triển giáo dục, từng bước đưa kết quả giáo dục của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng.

5. Tự đánh giá: Không đạt.

Kết luận tự đánh giá các tiêu chí mức 4

1. Điểm mạnh:

Kế hoạch hằng năm của nhà trường đã bám sát nhiệm vụ năm học của ngành, phù hợp với điều kiện của nhà trường. Đã xây dựng được mục tiêu, nhiệm vụ và biện pháp thực hiện có kết quả và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh.

100% học sinh trong độ tuổi đi học THCS đều được nhà trường, lãnh đạo xã, các tổ chức xã hội quan tâm tạo điều kiện được tham gia học tập, được rèn luyện các môn năng khiếu của bản thân.

Hằng năm, nhà trường đều tổ chức cho học sinh tham gia cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng, thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh cấp THCS.

Năm học 2023-2024, sản phẩm dự thi cuộc thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh THCS của nhà trường đạt giải nhì cấp huyện.

Nhà trường đã xây dựng phương hướng chiến lược phát triển nhà trường, và đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Điểm yếu:

Phương hướng chiến lược nhà trường chưa hoàn thành tất cả các mục tiêu đã đề ra.

Học sinh nhà trường còn chưa mạnh dạn tham gia một số hoạt động do kỹ năng giao tiếp hạn chế, bất đồng về ngôn ngữ.

Nguồn tài liệu phục vụ cho học sinh học tập, thể hiện năng khiếu còn ít.

Kế hoạch giáo dục của nhà trường chưa có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định, phù hợp và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

3. Kết quả:

Số tiêu chí đạt mức 4: $2/6 = 33,3\%$.

Số tiêu chí không đạt mức 4: $4/6 = 66,7\%$.

Phần III

KẾT LUẬN CHUNG

Báo cáo tự đánh giá của nhà trường đã khái quát tương đối đầy đủ những kết quả mà tập thể đã đạt được trong 5 năm qua, đã khẳng định quá trình nỗ lực phấn đấu vươn lên của nhà trường được thể hiện bởi những thành tích, chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường. Bên cạnh đó, báo cáo đã nêu rõ thực trạng của nhà trường về cơ sở vật chất, đội ngũ, nguồn lực và những vấn đề khác có liên quan đến chất lượng giáo dục để thông báo với cơ quan quản lý giáo dục cấp trên. Từ đó, nhà trường có kế hoạch điều chỉnh các nguồn lực trong quá trình thực hiện

nhệm vụ nhằm đáp ứng ngày càng cao tiêu chuẩn chất lượng, uy tín của nhà trường.

Đối chiếu các thành quả về hoạt động giáo dục mà nhà trường đã đạt được với Bộ tiêu chuẩn đánh giá tại thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 08 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học. Trong quá trình tự đánh giá nhà trường đã đạt được những kết quả cụ thể về các chỉ số, các tiêu chí như sau:

- 5/5 tiêu chuẩn đạt mức 1 chiếm 100%.
- 5/5 tiêu chuẩn đạt mức 2 chiếm 100%.
- 2/5 tiêu chuẩn đạt mức 3 chiếm 40,0%.

Cụ thể như sau:

- + Số lượng và tỷ lệ % các tiêu chí đạt mức 1: $28/28 = 100\%$.
- + Số lượng và tỷ lệ % các tiêu chí không đạt mức 1: $0/28 = 0\%$.
- + Số lượng và tỷ lệ % các tiêu chí đạt mức 2: $28/28 = 100\%$.
- + Số lượng và tỷ lệ % các tiêu chí không đạt mức 2: $0/28 = 0\%$.
- + Số lượng và tỷ lệ % các tiêu chí đạt mức 3: $14/19 = 73,7\%$.
- + Số lượng và tỷ lệ % các tiêu chí không đạt mức 3: $5/19 = 26,3\%$.
- + Số lượng và tỷ lệ % các tiêu chí đạt mức 4: $2/6 = 33,3\%$.
- + Số lượng và tỷ lệ % các tiêu chí không đạt mức 4: $4/6 = 66,7\%$.

Căn cứ quy định do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành tại Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 8 năm 2018 về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Văn bản số 5932/BGDĐT-QLCL, ngày 28/12/2018 về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông, xét kết quả tự đánh giá các tiêu chuẩn, tiêu chí nêu trên, trường PTDTBT THCS Phì Nhừ đạt mức 2 về kiểm định chất lượng giáo dục và đạt mức 1 về việc công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Đề nghị các

cấp có thẩm quyền quan tâm xem xét, tạo điều kiện về mọi mặt cho nhà trường thực hiện đảm bảo hơn nữa các tiêu chí, tiêu chuẩn duy trì xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trong năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo.

Điện Biên Đông, ngày 30 tháng 05 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Quàng Thị Niên

PHỤ LỤC 4
BẢNG DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
Tiêu chí 1.1	1	[H1-1.1-01]	- Kế hoạch chiến lược phát triển trường PTDTBT THCS Phì Nhừ giai đoạn 2020 – 2025.	- Từ năm học 2020-2021.	- Hiệu trưởng	
	2	[H1-1.1-02]	- Nghị quyết đảng bộ xã về chỉ tiêu phát triển, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa - phương, của ngành từ năm 2022 đến năm 2025. - Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã về chỉ tiêu phát triển, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa - phương, của ngành từ năm 2022- 2025.	- Từ năm 2022 đến năm 2025.	- Bí thư Đảng ủy xã. - Chủ tịch Hội đồng Nhân dân xã.	
	3	[H1-1.1-03]	- Báo cáo tổng kết năm học.	- Năm học 2024-2025.	- Hiệu trưởng	
	4	[H1-1.1-04]	- Các hình ảnh, tư liệu chứng minh nội dung chiến lược phát triển của nhà trường đã được đưa tin trên các phương tiện thông tin truyền thông;	http://ptdtbtthcsphinhu.pgddienbiendong.edu.vn	- Trang web trường PTDTBT THCS Phì Nhừ	
	5	[H1-1.1-05]	- Nghị quyết nhà trường. - Nghị quyết của Hội đồng trường.	Năm học 2024 – 2025.	- Nhà trường	

	6	[H1-1.1-06]	Số điện thoại của hiệu trưởng; - 0386851927 (Hiệu trưởng) Zalo THCS Phì Nhừ. Hòm thư góp ý. website: http://ptdtbtthcsphinhhu.pgddienbiendong.edu.vn	- Từ năm học 2024-2025	- Trường PTDTBT THCS Phì Nhừ	
Tiêu chí 1.2	1	[H1-1.2-01]	- Quyết định về việc thành lập hội đồng trường. - KH hoạt động của hội đồng trường. - Biên bản họp hội đồng trường năm 2023.	- Năm học 2024 - 2025.	- Hiệu trưởng	
	2	[H1-1.2-02]	- Quyết định thành lập hội đồng thi đua, khen thưởng; - Biên bản xét thi đua khen thưởng.	- Năm học 2024 - 2025.	- Hiệu trưởng	
	3	[H1-1.2-03]	- Quyết định thành lập tổ tư vấn tâm lý học đường.	- Năm học 2024-2025.	- Văn thư	
	4	[H1-1.2-04]	- Hồ sơ thi đua.	- Năm học 2024-2025.	- Chủ tịch công đoàn	
	5	[H1-1.2-05]	- Biên bản hội nghị công nhân viên chức hàng năm.	- Năm học 2024-2025.	- Văn thư	
	6	[H1-1.2-06]	Quyết định công nhận danh hiệu lao động tiên tiến cho các tập thể và cá nhân.	- Năm học 2023-2024.	- Văn thư	
	7	[H1-1.2-07]	- Biên bản đánh giá công tác chuyên môn của PGD.	- Năm học 2023-2024.		
Tiêu chí 1.3	1	[H1-1.3 -01]	- Quyết định thành lập chi bộ, - Quyết định chuẩn y các chức danh Chi uỷ chi bộ 13 giai đoạn 2025-2027.	- Từ năm 2025	- Đảng uỷ xã Phì Nhừ	
	2	[H1-1.3 -02]	- Quyết định về việc phân loại tổ chức cơ	- Từ năm 2024.	- Đảng uỷ	

			sở đảng. - Danh sách đánh giá xếp loại đảng viên cuối năm		xã.	
	3	[H1-1.3 -03]	- Quyết định công nhân chủ tịch công đoàn trường PTDTBT THCS Phì Nhừ. - Kế hoạch hoạt động công đoàn theo năm từ năm 2022 đến 2025. - Giấy khen công đoàn.	- Nhiệm kì 2022 - 2025	- Chủ tịch công đoàn	
	4	[H1-1.3 -04]	- Quyết định V/v bổ nhiệm các chức vụ tổ trưởng, phó tổ trưởng các tổ chuyên môn, tổng PT Đội.	- Năm học 2024-2025.	- Văn thư	
	5	[H1-1.3 -05]	- Kế hoạch hoạt động Đội. - Báo cáo tổng kết công tác đội hằng năm. - Giấy khen các hoạt động đội.	- Năm học 2024 – 2025.	- TPT Đội	
	6	[H1-1.3 -06]	- Quyết định chuẩn y bí thư phó bí thư ban chấp hành chi đoàn trường 2023 - 2025 - Kế hoạch hoạt động đoàn thanh niên. - Giấy khen các hoạt động của đoàn thanh niên.	- Từ năm học 2022 – 2023	- Bí thư Đoàn thanh niên	
Tiêu chí 1.4	1	[H1-1.4-01]	- Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng. - Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng.	- Từ năm học 2022 – 2023	Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng	
	2	[H1-1.4-02]	- Quyết định về việc thành lập các tổ chuyên môn.	- Năm học 2024-2025.	Văn thư	
	3	[H1-1.4-03]	- Kế hoạch hoạt động của tổ văn phòng.	- Năm học 2024-2025.		
	4	[H1-1.4-04]	- Kế hoạch hoạt động của tổ chuyên môn theo tháng, năm học. - Biên bản sinh hoạt tổ chuyên môn.	- Năm học 2024-2025.	Nhà trường	

			- Sổ ghi kế hoạch hoạt động chuyên môn (Sổ tổng hợp).			
	5	[H1-1.4-05]	- Biên bản bình xét thi đua nhà trường;	- Năm học 2024-2025.	- Văn thư	
	6	[H1-1.4-06]	- Giấy khen của giáo viên các tổ từ 2023. - Biên bản đánh giá xếp loại viên chức cuối năm của giáo viên từ 2023	- Phòng truyền thống.		
	7	[H1-1.4-07]	Giấy khen học sinh giỏi cấp huyện (Quyết định công nhận HS giỏi)	- Phòng truyền thống nhà trường		
Tiêu chí 1.5	1	[H1-1.5-01]	- Sổ gọi tên và ghi điểm. - Sổ theo dõi và kiểm tra đánh giá học sinh.	- Văn thư	- Nhà trường	
	2	[H1-1.5-02]	- Sổ chủ nhiệm.	- Năm học 2024-2025.	Phần mềm	
	3	[H1-1.5-3]	Biên bản bầu ban cán sự lớp	- Năm học 2024 - 2025		
Tiêu chí 1.6	1	[H1-1.6-01]	- Hồ sơ nhà trường theo quy định tại điều 21 thông tư 32/2020 về điều lệ trường THCS	- Năm học 2024-2025	- Văn thư	
	2	[H1-1.6-02]	- Hồ sơ quản lý tài chính, tài sản nhà trường	- Theo năm học (2024 - 2025)	- Kế toán	
	3	[H1-1.6-03]	- Biểu công khai theo thông tư 36	- Theo năm học (2024 – 2025)	- Kế toán	
	4	[H1-1.6-04]	- Các biên bản, kết luận, thông báo liên quan đến tài chính tài sản của các cấp có thẩm quyền;	- Năm học (2023 -2024)	- Kế toán	
	5	[H1-1.6-05]	- Quyết định về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ.	- Năm học 2023-2024.	- Kế toán, Hiệu trưởng	
	6	[H1-1.6-06]	- Cam kết chi ngân sách năm 2023, 2024, 2025	- Từ năm 2023, 2024, 2025	- Kế toán	

Tiêu chí 1.7	1	[H1-1.7-01]	Quyết định về việc phân công nhiệm vụ cho cán bộ giáo viên, công nhân viên.	- Năm học 2024 – 2025.	- Hiệu trưởng	
	2	[H1-1.7-02]	Quyết định phân công tác các năm học	- Năm học 2024 – 2025.	- Văn thư	
	3	[H1-1.7-03]	- Hồ sơ kiểm tra, đánh giá giáo viên và nhân viên; 2023, 2024, 2025	- Theo năm học (2023, 2024, 2025)	- Phó hiệu trưởng	
	4	[H1-1.7-04]	- Bảng nhận chế độ lương và các chế độ phụ cấp khác của giáo viên hằng tháng;	- Theo tháng, theo năm học (2023, 2024, 2025)	Kế toán.	
Tiêu chí 1.8	1	[H1-1.8-01]	- Kế hoạch giáo dục nhà trường. - Kế hoạch công tác của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng.		- BGH nhà trường	
	2	[H1-1.8-02]	- Kế hoạch giáo dục của giáo viên	- Năm học 2024 - 2025	- Giáo viên	
	3	[H1-1.8-03]	- Thời khóa biểu - Sổ đầu bài các năm học	- Năm học 2024 - 2025	Phần mềm	
	4	[H1-1.8-04]	- Các biên bản kiểm tra của phòng đối với trường.		- Văn thư	
Tiêu chí 1.9	1	[H1-1.9-01]	- Quyết định về việc Ban hành Quy chế dân chủ ở cơ sở. - Báo cáo kết quả thực hiện quy chế dân chủ.	- Năm học 2024-2025	- Văn thư	
	5	[H1-1.9-02]	- Báo cáo tổng kết hoạt động của ban thanh tra nhân dân. - Kế hoạch thực hiện của ban thanh tra nhân dân.	- Năm học 2024-2025	- Công đoàn trường	
Tiêu chí 1.10	1	[H1-1.10-01]	- Kế hoạch triển khai công tác phòng ngừa "Bạo lực học đường" trong nhà trường.	- Năm học 2024-2025		
	2	[H1-1.10-02]	Thông báo về việc đăng kí tạm trú.	- Các năm 2023, 2024, 2025		

	3	[H1-1.10-03]	- Các quyết định, kế hoạch và biên bản liên quan đến công tác phòng chống dịch bệnh	- Năm học 2024-2025.		
	4	[H1-1.10-04]	- Hồ sơ phòng cháy chữa cháy các năm học.	- Năm học 2024-2025.		
	5	[H1-1.10-05]	- Các quyết định liên quan đến công tác nấu ăn bán trú.	- Năm học 2024-2025.		
	6	[H1-1.10-06]	- Kế hoạch trường học an toàn, phòng chống giảm nhẹ rủi ro thiên tai; ứng phó biến đổi khí hậu. - Quyết định thành lập nhóm công tác thực hiện phong trào thi đua ”Chủ động phòng chống thiên tai, xây dựng cộng đồng an toàn năm 2023. - Quyết định thành lập nhóm công tác thực hiện phong trào thi đua ”Chủ động phòng chống thiên tai, xây dựng cộng đồng an toàn năm 2023. - Kế hoạch phòng chống thiên tai ngành GD và đào tạo giai đoạn 2021 -2025.	- Số 08/KH- PGDDĐT, ngày 06/01/2021		
	7	[H1-1.10-07]	- Biên bản kiểm tra hệ thống điện và sự an toàn về điện năm 2024. - Bản cam kết đảm bảo an toàn về PCCC đối với nhà trường của cán bộ GV năm 2024. - Biên bản kiểm tra an toàn về PCCC năm 2024.	- Các lớp khối 6, 7, 8, 9 và GV chủ nhiệm		
	8	[H1-1.10-08]	- Báo cáo kết quả về việc thực hiện công tác phòng ngừa bạo lực học đường năm 2024 – 2025.	- Năm học 2024 – 2025.		

			- Báo cáo kết quả về việc thực hiện tháng hành động về bình đẳng giới và phòng ngừa.			
	9	[H1-1.10-09]	- Giấy chứng nhận cơ sở đảm bảo về vệ sinh an toàn thực phẩm; - Biên bản kiểm tra an toàn thực phẩm của liên ngành. - Biên bản kiểm tra công tác phòng chống dịch bệnh viêm đường hô hấp do chủng mới của virus Corona; dịch cúm A (H5N1). - Đánh giá công tác y tế trường học xếp loại trung bình.	- Năm học 2024 - 2025.	- Tổ nấu ăn - Y tế học đường.	
	10	[H1-1.10-10]	- Hồ sơ công nhận trường văn hóa.	- Thu thập hằng năm.		
	11	[H1-1.10-11]	Biên bản về cán bộ quản lí, GV, nhân viên và học sinh được phổ biến các phương án: - Đảm bảo an ninh trật tự; - An toàn vệ sinh thực phẩm; - An toàn phòng chống tai nạn, thương tích; - An toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; - Phòng, chống dịch bệnh; - Phòng, chống các tệ nạn xã hội; - Phòng, chống bạo lực trong nhà trường.	- Năm 2024 – 2025.	Văn thư	
	12	[H1-1.10-12]	- Bài viết tuyên truyền trên trang Web về ứng phó với tình huống nguy hiểm, bình đẳng giới.	- Năm 2024 – 2025.		
Tiêu chí 2.1	1	[H2-2.1-01]	- Bảng cấp, trình độ, chứng chỉ của HT, PHT	- Hằng năm	Các cấp	

	2	[H2-2.1-02]	- Kết quả đánh giá, xếp loại chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng hằng năm;	- Từ năm học 2022-2023 đến nay	- Phòng Giáo dục	
	3	[H2-2.1-03]	- Công văn triệu tập, quyết định cử đi học của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng tham dự các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ.	- Từ năm học 2022-2023 đến nay	- Phòng giáo dục, phòng Nội vụ.	
	4	[H2-2.1-04]	- Chứng chỉ hoặc chứng nhận đã qua lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý	- Thu thập hàng năm	Các cấp	
	5	[H2-2.1-05].	BDCM, BD thường xuyên của HT, PHT	- Thu thập hàng năm	- Các cấp	
	6	[H2-2.1-06]	- Biên bản tín nhiệm BGH;	- Thu thập hàng năm	- Hiệu trưởng	
Tiêu chí 2.2	1	[H2-2.2-01]	Danh sách giáo viên hằng năm có thông tin về trình độ đào tạo;	- Thu thập hàng năm	Hiệu trưởng	
	2	[H2-2.2-02]	Danh sách giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo;	- Từ năm học 2022-2023 đến nay	- Hiệu trưởng	
	3	[H2-2.2-03]	Văn bằng chuyên môn cao nhất của giáo viên;	- Thu thập hàng năm	Các cấp	
	4	[H2-2.2-04]	- Kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm; - Hình ảnh tổ chức hoạt động trải nghiệm;	- Từ năm học 2022-2023 đến nay	Tổ CM Giáo viên Đoàn đội	File ảnh
	5	[H2-2.2-05]	- Quyết định giao nhiệm vụ hướng dẫn nghiên cứu Khoa học kỹ thuật; - Quyết định công nhận nghiên cứu Khoa học kỹ thuật; - Công nhận đề tài sáng kiến của giáo viên;	- Từ năm học 2022-2023 đến nay	- Hiệu trưởng - Phòng Giáo dục - UBND huyện	
	6	[H2-2.2-06]	- Quyết định giao nhiệm vụ hướng dẫn ý	- Từ năm học 2022-2023 đến nay	- Hiệu	

			trưởng khởi nghiệp, sáng tạo TTN - Quyết định công nhận ý tưởng khởi nghiệp, sáng tạo TTN	nay	trưởng	
	7	[H2-2.2-07]	- Kế hoạch bài dạy giáo dục hướng nghiệp; HĐ TNHN	- Từ năm học 2022-2023 đến nay	- Giáo viên	
	8	[H2-2.2-08]	- Bản tổng hợp về đánh giá cán bộ, GV theo chuẩn nghề nghiệp.	- Từ năm học 2022-2023 đến nay	Hiệu trưởng	
Tiêu chí 2.3	1	[H1-2.3-01]	- Văn bằng, chứng chỉ chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên;	Thu thập hằng năm	Nhân viên	
	2	[H2-2.3-02]	- Phiếu đánh giá viên chức hằng năm của nhân viên	- Từ năm học 2022-2023 đến nay	Hiệu trưởng	
	3	[H2-2.3-03]	Danh sách nhân viên nhà trường.	- Từ năm học 2022-2023 đến nay	Hiệu trưởng	
	4	[H2-2.3-04]	Quyết định được cử đi tham gia tập huấn hoặc chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ	Thu thập hàng năm	Hiệu trưởng	
	5	[H2-2.3-05]	Quyết định, hợp đồng lao động đối với nhân viên	- Từ năm học 2022-2023 đến nay	- Văn thư	
Tiêu chí 2.4	1	[H2-2.4-01]	- Quyết định GV hướng dẫn học sinh ôn HSG, TDTT	- Từ năm học 2022-2023 đến nay	Hiệu trưởng	
	2	[H2-2.4-02]	- Quyết định khen thưởng học sinh có thành tích trong học tập và rèn luyện các cấp.	- Từ năm học 2022-2023 đến nay	- Phòng GD, UB huyện, Hiệu	

					trưởng	
	3	[H2-2.4-03]	Danh sách học sinh được nhận học bổng của các nhà tài trợ	- Từ năm học 2022-2023 đến nay	- Hiệu trưởng	
	5	[H2-2.4-04]	Quyết định công nhận học sinh trúng tuyển vào lớp 6 cấp THCS hàng năm.	- Từ năm học 2022-2023 đến nay	- Phòng GD	
	6	[H2-2.4-05]	- Sổ đăng bộ;	Hàng năm	- Nhà trường	
Tiêu chí 3.1	1	[H3-3.1-01]	Biên bản Kiểm tra, bố trí đất xây dựng trường PTDTBT THCS Phì Nhừ, xã Phì Nhừ huyện Điện Biên Đông.	Thu thập tháng 5 năm 2022	UBND xã	
	2	[H3-3.1-02]	Ảnh chụp khuôn viên, sân chơi, bãi tập, cổng trường	Thu thập hằng năm	Nhóm 3	
Tiêu chí 3.2	1	[H3-3.2-01]	Ảnh chụp phòng học	Thu thập hằng năm	Nhóm 3	
	2	[H3-3.2-02]	Ảnh chụp phòng học bộ môn	Thu thập hằng năm	Nhóm 3	
	3	[H3-3.2-03]	Ảnh chụp phòng Công đoàn + Đoàn đội	Thu thập hằng năm	Nhóm 3	
	4	[H3-3.2-04]	Ảnh chụp phòng Thư viện	Thu thập hằng năm	Nhóm 3	
	5	[H3-3.2-05]	Biên bản kiểm kê tài sản, cơ sở vật chất	Thu thập hằng năm	Nhóm 3	Phó HT
	6	[H3-3.2-06]	Sơ đồ tổng thể nhà trường	Thu thập hằng năm	Nhóm 3	
Tiêu chí 3.3	1	[H3-3.3-01]	Ảnh chụp phòng TB, tin học, nghệ thuật, truyền thống, Đoàn đội	Thu thập hằng năm		
	2	[H3-3.3-02]	Ảnh chụp khu để xe	Thu thập hằng năm	Nhóm 3	
	3	[H3-3.3-03]	Kế hoạch sửa chữa, bổ sung các thiết bị phòng hành chính quản trị	Thu thập hằng năm	Nhóm 3	Kế toán lưu giữ
	4	[H3-3.3-04]	Ảnh chụp phòng Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng	Thu thập hằng năm	Nhóm 3	
	5	[H3-3.3-05]	Ảnh chụp phòng tổ KHTN, KHXH	Thu thập hằng năm	Nhóm 3	
	6	[H3-3.3-06]	Ảnh chụp phòng họp và truyền thống	Thu thập hằng năm	Nhóm 3	

	7	[H3-3.3-07]	Ảnh chụp phòng chờ của giáo viên	Thu thập hằng năm	Nhóm 3	
	8	[H3-3.3-08]	Ảnh chụp tổ Văn phòng - phòng Y tế; Phòng Bảo vệ	Thu thập hằng năm	Nhóm 3	
	9	[H3-3.3-09]	Ảnh chụp Nhà bếp, Nhà ăn, Nhà nghỉ nội trú	Thu thập hằng năm	Nhóm 3	
	10	[H3-3.3-10]	Ảnh chụp tủ thuốc	Thu thập hằng năm	Nhóm 3	
Tiêu chí 3.4	1	[H3-3.4-01]	Ảnh chụp khu vệ sinh học sinh, giáo viên	Thu thập hằng năm	Nhóm 3	
	2	[H3-3.4-02]	Ảnh chụp hệ thống cấp nước sạch	Thu thập hằng năm	Nhóm 3	
	3	[H3-3.4-03]	Ảnh chụp hệ thống thoát nước	Thu thập hằng năm	Nhóm 3	
	4	[H3-3.4-04]	Ảnh chụp Lò đốt rác, thùng đựng rác, HS thu gom rác	Thu thập hằng năm	Nhóm 3	
Tiêu chí 3.5	1	[H3-3.5-01]	Sổ theo dõi thiết bị, đồ dùng của nhà trường	Thu thập hằng năm	Nhóm 3	Lưu thư viện, tb
	2	[H3-3.5-02]	Bảng thống kê các thiết bị được sửa chữa hằng năm	Thu thập hằng năm	Nhóm 3	Kế toán lưu giữ
	3	[H3-3.5-03]	Hợp đồng, hóa đơn sửa chữa các thiết bị	Thu thập hằng năm	Nhóm 3	Kế toán lưu giữ
	4	[H3-3.5-04]	Hợp đồng kết nối mạng	Thu thập hằng năm	Nhóm 3	Kế toán lưu giữ
	5	[H3-3.5-05]	Hóa đơn mạng Internet hàng tháng của trường	Thu thập hằng năm	Nhóm 3	Kế toán lưu giữ
	6	[H3-3.5-06]	Thống kê danh mục thiết bị dạy học do giáo viên tự làm	Thu thập hằng năm	Nhóm 3	Lưu thư viện, tb
Tiêu chí 3.6	1	[H3-3.6-01]	Hồ sơ quản lý thư viện	Thu thập hằng năm	Nhóm 3	Lưu thư viện, tb
	2	[H3-3.6-02]	Sổ quản lý tài sản, thiết bị giáo dục	Thu thập hằng năm	Nhóm 3	Lưu thư viện, tb

	3	[H3-3.6-03]	Quyết định công nhận Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.	Thu thập hằng năm	Nhóm 3	Thư viện
Tiêu chí 4.1	1	[H4-4.1-01]	Quyết định và biên bản bầu ban đại diện cha mẹ học sinh	Từ năm 2023 đến nay	Ban đại diện CMHS	
	2	[H4-4.1-02]	Kế hoạch hoạt động của ban đại diện cha mẹ học sinh	Từ năm 2023 đến nay	Ban đại diện CMHS	
	3	[H4-4.1-03]	Báo cáo tổng kết hoạt động của ban đại diện cha mẹ học sinh.	Từ năm 2023 đến nay	Ban đại diện CMHS	
	4	[H4-4.1-04]	Biên bản họp phụ huynh nhà trường, vận động học sinh.	Từ năm 2023 đến nay	Đ/c Hưng, Đ/c Nga	
Tiêu chí 4.2	1	[H4-4.2-01]	Hình ảnh, danh sách cá nhân, các tổ chức hỗ trợ tài chính, CSVC.	Từ năm 2023 đến nay	P. Hiệu trưởng	
	2	[H4-4.2-02]	Kế hoạch giáo dục kỹ năng sống.	Từ năm 2023 đến nay	Tổng phụ trách	
	3	[H4-4.2-03]	Tư liệu về các hoạt động văn hóa dân tộc, thăm quan di tích lịch sử, giáo dục kỹ năng sống, trò chơi dân gian	Từ năm 2023 đến nay	Nhà trường, Đoàn Thanh Niên	
	4	[H4-4.2-04]	Tờ trình, kế hoạch tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để xây dựng nhà trường thành trung tâm văn hóa.	Từ năm 2023 đến nay	Nhà trường	
	5	[H4-4.2-05]	Kế hoạch hoạt động, báo cáo tổng kết của TTHTCĐ	Từ năm 2023 đến nay	Đ/c Dơ	
Tiêu chí 5.1	1	[H5-5.1-01]	- Kế hoạch bài dạy các môn học.	- Năm học 2024 – 2025	Giáo viên (Phần	

					mềm VNedu)	
	2	[H5-5.1-02]	- Ngân hàng đề.	- Năm học 2024 – 2025	Lưu trên máy tính của Phó HT	
	3	[H5-5.1-03]	- Kế hoạch bài dạy bồi dưỡng HSG các môn văn hóa.	- Năm học 2024 – 2025	Giáo viên	
	4	[H5-5.1-04]	- Kế hoạch bài dạy phụ đạo HS yếu, kém.	- Năm học 2024 – 2025	Giáo viên	
	5	[H5-5.1-05]	- Hồ sơ theo dõi sự tiến bộ của học sinh khuyết tật.	- Năm học 2024 – 2025	Giáo viên	
Tiêu chí 5.3	1	[H5-5.3-01]	- Tài liệu giáo dục địa phương	- Năm học 2024 - 2025	Thư viện	
Tiêu chí 5.5	1	[H5-5.5-01]	- Sổ chi đội.	- Năm học 2024 - 2025	Giáo viên	
Tiêu chí 5.6	1	[H5-5.6-01]	- Báo cáo công tác phổ cập của nhà trường hàng năm.	- Năm học 2024 - 2025	Phó HT	
	2	[H5-5.6-02]	- Danh sách học sinh tốt nghiệp lớp 9	- Năm học 2024 - 2025	Giáo viên	
	3	[H5-5.6-03]	- Danh sách HS học cấp 3, học nghề sau TN lớp 9	- Năm học 2024 - 2025	Giáo viên	

Người tổng hợp

Trần Thị Thơm

